

TẬP BA

LỜI ĐẦU SÁCH

Tập NHẬT LÁ BỒ ĐỀ III này cũng do các Thiền sinh ghi lại lời giảng dạy của Thầy Viện Chủ tại Tu Viện CHƠN KHÔNG.

Nội dung tập sách này ngoài ghi lời giảng dạy của Thầy Viện Chủ, chúng tôi còn trích nguyên văn một số bài kinh, giáo lý căn bản như Phật nói về lý Tứ Đế, Thập nhị nhân duyên, Nhân quả v.v... trong Trung Bộ Kinh do Thượng Tọa Thích Minh Châu dịch từ trong tạng Pali (Phật nói hoặc Ngài Xá Lợi Phất lập lại lời Phật nói) để chúng ta cùng suy gẫm lời dạy thâm sâu của Đức Phật.

Thật ra nếu nói chỗ thâm sâu của Đức Phật là phải bàn đến lý “Khai Quyền Hiển Thật” của Ngài. Nghĩa là Phật mở bày pháp môn phương tiện để dẫn dắt chúng sanh trở về với lý thật; nên tuy Ngài có giảng dạy muôn ngàn pháp môn, vô lượng diệu nghĩa nhưng mục đích cứu cánh là đến chỗ vô ngôn, nếu còn ngôn thuyết thì chưa đến lý thật. Vì thế, Phật đóng cửa thất ở nước Ma Kiệt Đà, Ngài Duy Ma Cật ngậm miệng ở thành Tỳ Da Ly là để nói lên lý thật ấy. Ở đây chúng ta chỉ tìm hiểu qua lý quyền của Phật nói mà thôi.

Ngoài phần Kinh trên, chúng tôi cũng cố gắng cô đọng lại những lời giảng dạy của Thầy Viện Chủ về đường lối tu tập của

Tu Viện CHƠN KHÔNG thành vài bài luận ngắn, qua những kinh nghiệm tu tập và những gì học hỏi được nơi Thầy. Các tài liệu này, quý vị đọc qua sẽ thấy rõ đường lối tu của chúng ta quả quyết y cứ Kinh điển, lời Phật Tổ dạy, chứ không gì xa lạ hoặc ai tự sáng chế. Đây là con đường Phật Tổ đã vạch sẵn, Thầy Viện Chủ chỉ có công soi sáng lại con đường ấy mà thôi.

Qua những tài liệu trong tập sách này cũng như các tập sách trước chúng tôi đã ghi, tuy không đầy đủ lắm, nhưng cũng nói lên được những phần trọng yếu trong việc tu tập hằng ngày của tu viện. Mong rằng những tập tài liệu nhỏ này sẽ là kim chỉ nam để giúp chúng ta tu tập, hầu đạt được lý tưởng giải thoát cao đẹp của người tu Phật.

Viết tại Tu viện CHƠN KHÔNG

Ngày đầu Xuân năm Bính Dần 1986

Thay mặt các Thiên Sinh

THÍCH PHƯỚC HẢO

PHẦN MỘT

TRÍCH GIẢNG KINH A HÀM

1. Công đức Bát Quan Trai

Trong Tăng Chi Bộ Kinh Phật dạy: “Người tu tập Bát Quan Trai giới thanh tịnh chỉ trong một ngày đêm hơn một đời vua cai trị toàn xứ Ấn Độ”.

BÌNH: Tại sao tu “Bát Quan Trai Giới” thanh tịnh chỉ một ngày đêm mà được phước nhiều như thế? -Y cứ trong Kinh Phật dạy: Người tu pháp “Bát Quan Trai Giới” thanh tịnh trọn một ngày đêm (24 giờ), sau khi lâm chung có thể được sanh lên các cõi trời Dục giới hoặc Sắc giới như Trời Tứ Thiên Vương, Trời Đao Lợi, Trời Dạ Ma, Trời Đâu Suất v.v...

Y theo Kinh giải thích: do công đức tu hành có sai biệt, nên tuổi thọ của chư Thiên các cõi này không đồng.

* Trời Tứ Thiên Vương sống lâu 500 tuổi (50 ngày của chúng ta ở nhưn gian dài bằng một ngày đêm trên Tứ Thiên Vương).

* Trời Đao Lợi sống lâu 1000 tuổi (100 ngày đêm của chúng ta dài bằng 1 ngày đêm của cõi Trời Đao Lợi).

* Trời Dạ Ma sống lâu 2000 tuổi (200 ngày đêm ở cõi người dài bằng 1 ngày ở cõi Trời Dạ Ma).

* Trời Đâu Suất sống lâu 4000 tuổi (400 ngày đêm cõi người dài bằng 1 ngày đêm ở cõi Trời Đâu Suất).

Chúng ta có thể dùng pháp toán nhưn, nhưn thử tuổi thọ của các cõi Trời, so với thời gian tuổi thọ của cõi người chúng ta khác nhau thế nào, để thấy phước báo của mỗi cõi nhiều hoặc ít v.v... Phước báo và tuổi thọ của chư Thiên trong các cõi tuy nhiều như thế, nhưng phước ấy chỉ bằng 1/16 của người tu pháp Bát Quan Trai Giới thanh tịnh mà thôi.

Tuy nhiên, chúng ta nên hiểu thêm: Ở đây sở dĩ Phật nói quả báo của các cõi Trời thù thắng như thế, là để khích lệ hàng Phật tử tại gia tu tập hạnh xuất thế, có lòng hâm mộ mà họ tiến lên từng bước. Mục đích cứu cánh của Phật dạy là người tu tập phải cầu ra khỏi ba cõi, đạt đến Phật quả mới viên mãn vì phước báo của cõi Trời còn trong hữu hạn chưa phải cứu cánh giải thoát.

2. Trị bệnh ngũ gục

Trong Tăng Chi Bộ Kinh chép: Một hôm Phật dùng Thiên nhãn quan sát nơi khu rừng chư Tăng ẩn tu, thấy Ngài Mục Kiền Liên đang tọa Thiền bị ngũ gục. Phật liền đến dạy: “Nếu ông ngồi bị ngũ gục nên khởi tướng để đánh tan ma ngũ gục. Trường hợp khởi tướng không hết thì quán pháp. Quán pháp nếu không hết thì tụng đọc kệ chú. Tụng đọc kệ chú nếu không hết, thì dùng hai tay nắm hai trái tai kéo xuống, xoa tay xoa chân. Nếu còn ngũ nữa thì đi rửa mặt. Nếu rửa mặt không hết ra ngoài xem trăng, xem sao hoặc quán ánh sáng. Quán ánh sáng không hết thì đi kinh hành trụ tâm ở trước. Cuối cùng nếu không hết thì nằm như sư tử (nghiêng phía tay mặt hai chân chùng lên)”.

BÌNH: Thùy miên là một món phiền não trong năm món phiền não (ngũ cái) che đậy chơn tánh chúng sanh. Nó là cái nhưn làm cho chơn tánh bị lu mờ, trí tuệ không phát sanh được (dù một món cũng có hại). Vì thế, người tu Thiền định, muốn được tam muội phải xua đuổi con ma thùy miên không cho đến gần. Những phương tiện Phật dạy trên là cây roi sắt đập mạnh

con ma buồn ngủ. Đuổi mạnh và đuổi nó đi xa thật xa không cho nó bén mảng đến chỗ chúng ta ngồi tu.

3. Lựa chỗ y chỉ

Trong Tăng Chi Bộ Kinh Phật dạy: “Người xuất gia phải lựa chỗ y chỉ và chỗ không nên y chỉ”.

Một: Chỗ ở nào những điều ác tăng trưởng, điều thiện tổn giảm, lại không đủ tứ sự cúng dường (cơm ăn, áo mặc, giường chõng, thuốc thang), Phật nói: nên đi, khỏi thưa Thầy trụ trì.

Hai: Chỗ ở nào những điều ác tăng trưởng, điều thiện tổn giảm, dù đầy đủ tứ sự cúng dường cũng nên đi, khỏi thưa Thầy trụ trì.

Ba: Chỗ ở nào những điều ác tổn giảm, điều thiện tăng trưởng, dù thiếu thốn việc cúng dường vẫn kiên nhẫn tu học.

Bốn: Chỗ ở nào những điều ác tổn giảm, điều thiện tăng trưởng, và được bốn việc cúng dường đầy đủ, có bị đuổi cũng cố gắng xin ở lại tiếp tục tu học.

BÌNH: Bốn trường hợp trên Phật đặt ra cho người xuất gia lựa chọn để có thể tu tiến. Bởi vì mục đích người xuất gia là giải thoát sanh tử, mà muốn giải thoát sanh tử phải thâm hiểu Phật pháp, có thâm hiểu Phật pháp mới thực hành đúng lời Phật dạy để phá dẹp phiền não, dứt hết mê lầm. Do đó khi vào chùa (Tịnh xá) chúng ta phải đặt điều kiện tu học lên trên. Nếu chỗ nào có phương tiện tu học, giúp chúng ta tăng trưởng pháp lành, tổn giảm pháp ác thì nên ở, trái lại thì nên tìm nơi khác, dù cho chùa đó có đầy đủ bốn việc cúng dường, chúng ta cũng không nên ở. Còn như bốn việc cúng dường dù thiếu thốn mà có tu, có tiến, ta phải cố gắng nương ở tu học.

4. Niệm ác với người thù

Trong Tăng Chi Bộ Kinh Phật nói: Người thù địch có bảy điều kiện mong cho kẻ thù với mình:

1. Mong cho kẻ thù với mình nhan sắc xấu xí.
2. Mong cho kẻ thù với mình ngu không được.
3. Mong cho kẻ thù với mình không được lợi ích, thường tổn giảm.
4. Mong cho kẻ thù với mình bị phá sản.
5. Mong cho kẻ thù với mình không được danh vọng.
6. Mong cho kẻ thù với mình không được bạn bè.
7. Mong cho kẻ thù với mình chết đọa đường dữ.

BÌNH: Xét bảy điều Phật nói trên có đúng với tâm lý chúng ta không? Nếu ai là người mình thù địch thì mình đâu thích họ có sắc đẹp, mà muốn họ xấu xa, và muốn họ mất ăn mất ngủ, muốn họ tổn hại, mất mát danh vọng, dẫn đến muốn cho bạn bè lánh xa họ. Cuối cùng muốn cho họ chết bị đọa địa ngục.

Những điều mong muốn trên là quan niệm trả thù. Tuy mình không dùng hành động độc ác với người thù, nhưng lúc nào cũng muốn cho người thù địch với mình gặp nhiều tai biến, họa lụy...

Những quan niệm như thế xét theo thói thường thì miễn bàn, nhưng xét sâu về đạo lý là một điều tổn hại rất lớn. Tại sao? Trước xét việc gần gũi nhất là ngay tâm niệm mình: một khi muốn cho người ta khổ, khi khởi niệm muốn đó, lòng mình có vui chăng hay là chính cái niệm đó làm cho lòng mình bức rức, cảm thọ khổ sở bất an? Đó là chưa nói đến gặp trường hợp trái ngược, mình muốn cho người ta khổ mà trái lại họ được vui thì tâm niệm chúng ta lúc đó thế nào? Muốn cho người ta mất mà họ vẫn được, muốn cho người ta xấu mà họ vẫn tốt... Chúng ta sẽ bức bối đến đâu? Thế nên những mong muốn ấy đều không lợi lạc mà tổn thương tâm niệm chính mình.

Xa hơn, chúng ta xét về lý nhơn quả. Sở dĩ có niệm ân oán với nhau đều có nguyên nhân. Một người chưa quen biết, mới

gặp nhau là ta có cảm tình ngay và muốn giúp đỡ tất cả những gì họ muốn cần. Trái lại, cũng một người chưa từng quen thuộc, vừa gặp mặt liền sanh bực bội, không muốn nhìn họ và khước từ mọi giúp đỡ, mặc dù họ cần đến ta. Những điều đó thực ra không có chi lạ, là do chúng ta với những người ấy đã tạo “ÂN” hay “OÁN” thuở quá khứ. Còn rất nhiều khía cạnh khác. Đây chúng tôi chỉ nêu vài trường hợp điển hình mà thôi. Vậy muốn cho tâm được mát mẻ, thơ thới, y cứ lời Phật dạy: chúng ta phải xem oán thân bình đẳng, nghĩa là dứt hết niệm “ÂN” và “OÁN”. Vì người ân giúp ta chính là những người ta đã từng giúp họ, bây giờ họ giúp lại ta. Người oán hại ta là ta đã từng gây khổ đau cho họ, nên bây giờ họ đối xử tệ bạc với ta. Việc ấy chỉ trong vòng vay trả. Hơn nữa phải quán tất cả mọi người đều là bà con thân thuộc của chúng ta, nếu không đời này cũng nhiều đời trước. Dù họ có lỗi lầm chút ít ta nên tha thứ, đâu nỡ thù ghét họ. Hiểu như thế thì ta mới dứt được niệm ân và oán. Nhờ dứt niệm ân và oán nên sợi dây ân oán bị cắt đứt. Khi ân oán dứt, tâm ta không an tịnh là gì?

Lục Tổ dạy: “Thương ghét chẳng bận lòng, nằm dài đuổi chân ngủ”. Vậy ta muốn ngủ ngon giấc thì phải dứt niệm “OÁN THÂN”.

5. Tám căn cứ lười biếng

Trong Tăng Chi Bộ Kinh, Phật dạy: Chúng sanh có tám căn cứ lười biếng. Thế nào là tám:

1. Ta có việc sẽ làm (bởi có việc sẽ làm nên ưng nằm nghỉ để mai làm).
2. Ta có việc đã làm (vì đã làm mệt nên nghỉ cho khỏe).
3. Ta có việc sẽ đi (mai sẽ đi đâu nên nghỉ để đi).
4. Ta có việc đã đi (đi đường dài mệt, nằm nghỉ cho hết mệt).
5. Đi khát thực được thức ăn không như ý (ăn thiếu ưng nằm nghỉ để khỏi đói).
6. Khát thực như ý (ăn no tu không được, để hết no sẽ tu).

7. Bệnh ít ít (có chút ít bệnh nghỉ cho khỏi).

8. Bệnh nhiều mới khỏi (bệnh mới khỏi nên dương cho mau bình phục sẽ tu).

Trái lại, Phật dạy nên biết chuyển đổi quan niệm sẽ thành tinh tiến. Chuyển đổi quan niệm thế nào?

1. Nếu ngày mai có việc sẽ làm, ta nên khởi nghĩ: mai ta có việc phải làm, nay phải rán tu để mai tu không được.

2. Nếu làm xong việc ta nên khởi nghĩ: hôm qua bận việc, nay đã làm xong, rán tu bù lại hôm qua tu ít.

3. Ngày mai có việc đi đâu ta nên khởi nghĩ: mai sẽ đi, tu không được, nay rán lo tu.

4. Khi đã đi qua con đường dài ta nên khởi nghĩ: đã đi không tu được, đi xong phải rán tu.

5. Khi nhận thức ăn (khất thực) không như ý ta nên khởi nghĩ: ăn ít bụng nhẹ dễ tu.

6. Khi nhận thức ăn (khất thực) như ý ta nên khởi nghĩ: được cúng dường đầy đủ, rán tu để khỏi thiếu nợ thí chủ.

7. Khi bệnh chút ít ta nên khởi nghĩ: bệnh còn ít rán tu để bệnh nhiều tu không được.

8. Khi bệnh nặng đã hết, ta nên khởi nghĩ: bệnh lâu không tu được, nay khỏi, rán tu bù lại.

BÌNH: Xin nhắc lại tám căn cứ của Phật nêu trên là những điều thiết thực, mà người tu dễ bị gạt. Bởi bị lừa gạt nên xuôi thuận chiều ăn ngủ mà không tiến đạo. Trái lại, nếu một phen biết chuyển tâm như đã giải thích trên, thì nó sẽ giúp ta tiến lên đạo giải thoát.

Chúng ta vẫn còn nhớ gương Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni cùng Ngài Di Lặc đồng thời tu. Đức Bổn Sư do tinh tấn mà nay đã thành Phật, trái lại Đức Di Lặc vẫn còn làm vị Bồ Tát và sẽ thành Phật ở tương lai xa tít.

Vì thế, tinh tấn rất thiết yếu cho người tu tập các hạnh lành, bởi lẽ đó mà được sắp vào hàng thứ ba trong sáu pháp Ba La Mật.

6. Lưới ái

Trong Tăng Chi Bộ Kinh Phật dạy: Nam nhân bị nữ nhân buộc bởi tám điều kiện:

- | | |
|--------------|---------------|
| 1. Nhan sắc | 2. Tiếng cười |
| 3. Tiếng nói | 4. Giọng ca |
| 5. Nước mắt | 6. Quần áo |
| 7. Vật tặng | 8. Xúc chạm. |

Trái lại nữ nhân bị nam nhân trói cột cũng thế.

BÌNH: Đọc bài kinh trên, chúng ta thấy lòng từ bi của Phật thương chúng ta quá đỗi. Ngài không ngại gì chỉ ra những lẽ thật mà tất cả chúng ta đều làm mê. Bởi làm mê nên bị ân ái trói cột, và trói cột mãi mãi không có ngày buông tha. Kết quả chỉ chấp nhận tất cả khổ đau, không có một chút hạnh phúc an lạc chân thật. Tuy như thế mà chúng ta vẫn điên đảo si mê để rồi phải chịu khổ đau vĩnh kiếp.

Tám điều kiện Phật nêu trên là những nguyên nhân tạo thành sợi dây cột chúng sanh trong vòng khổ đau phiền lụy. Sợi dây này không gì khác hơn là sợi dây “ÁI NHIỄM”. Sợi dây ấy tuy vô hình, nhưng nó trói cột rất chặt và cũng khó cắt đứt. Nó có sức hút rất mạnh như “nam châm hút kim loại”. Vì thế, Phật dạy: “Tỳ Kheo phải tránh xa nữ sắc, như người đội cỏ khô, sợ không dám gần lửa”. Kinh Tứ Thập Nhị Chương, Phật dạy: “Người tu hành phải tránh xa nữ sắc (nam sắc) như tránh xa rắn độc, lửa dữ. Rắn độc, lửa dữ giết người chỉ trong một kiếp, nữ sắc (nam sắc) giết người nhiều kiếp”.

Lại nữa, trong Kinh Pháp Hoa, phẩm An Lạc Hạnh, Phật dạy: “Chỗ thân cận của người tu hành là chẳng gần gũi Quốc Vương, Vương Tử, Đại Thần... Cho đến chẳng nên ở nơi thân người nữ cho là tướng có thể sanh tư tưởng dục nhiễm, mà vì nói pháp. Nếu vào nhà người, chẳng cùng gái nhỏ, gái trinh, gái góa... chung nói chuyện, lại cũng chẳng gần người bất nam (chẳng phải nam chẳng phải nữ) để làm thân hậu.

Chẳng riêng mình vào nhà người, nếu lúc có nhân duyên cần riêng mình vào thì chuyên một lòng niệm Phật. Nếu vì

người nữ nói pháp thời chẳng hờ rắng cười, chẳng bày hông ngực, nhân đến vì pháp mà còn chẳng thân hậu, hướng lại là việc khác...”.

Đây là những điều thiết yếu mà Phật dạy người tu phải răn dè. Cần thận trọng khi giao tiếp với nhau mới khỏi gây ra những hiểm họa khó tránh. Vậy ai là người có chí xuất trần, muốn ra khỏi sanh tử phải y theo lời Phật dạy trên để thúc liễm thân tâm, trau dồi trí tuệ cho sắc bén hầu cắt đứt sợi dây triền phược của luyến ái, chứng quả Niết Bàn an lạc.

7. Pháp nhị hành

Một hôm Đức Phật ở trong thành Tỳ Xá Ly tại Đại Lâm. Bấy giờ có vị tướng quan Siha, đệ tử của Nigantha (Phái ngoại đạo Ni Kiền Tử) đến viếng Phật. Ông hỏi:

- Thưa Gotama, tin đồn Ngài chủ trương không hành động, thuyết pháp về không hành động và dùng pháp không hành động chỉ dạy đệ tử. Ngài chủ trương thuyết pháp hành động và dùng pháp hành động chỉ dạy đệ tử. Ngài chủ trương đoạn diệt và dùng pháp đoạn diệt chỉ dạy đệ tử. Ngài chủ trương dùng pháp hư vô, thuyết pháp hư vô và dùng pháp hư vô chỉ dạy đệ tử. Ngài chủ trương nhằm chán, thuyết pháp nhằm chán và dùng pháp nhằm chán chỉ dạy đệ tử. Ngài chủ trương khổ hạnh, thuyết pháp khổ hạnh và dùng pháp khổ hạnh chỉ dạy đệ tử. Ngài chủ trương không nhập thai, thuyết pháp không nhập thai và dùng pháp không nhập thai chỉ dạy đệ tử. Ngài chủ trương an ủi mọi người, thuyết pháp an ủi mọi người và dùng pháp an ủi chỉ dạy đệ tử... Tin ấy có đúng hay họ xuyên tạc Ngài?

Phật đáp:

- Sa Môn Gotama chủ trương không hành động, thuyết pháp không hành động và chỉ dạy đệ tử pháp không hành động. Gotama chủ trương hành động, thuyết pháp hành động và chỉ

dạy đệ tử pháp hành động. Gotama chủ trương đoạn diệt, thuyết pháp đoạn diệt và chỉ dạy đệ tử pháp đoạn diệt. Gotama chủ trương nhàm chán, thuyết pháp nhàm chán và chỉ dạy đệ tử pháp nhàm chán. Gotama chủ trương hư vô, thuyết pháp hư vô và chỉ dạy đệ tử pháp hư vô. Gotama là người khổ hạnh, thuyết pháp khổ hạnh và chỉ dạy đệ tử pháp khổ hạnh. Gotama chủ trương không nhập thai, thuyết pháp không nhập thai và chỉ dạy đệ tử pháp không nhập thai. Gotama là người an ủi, thuyết pháp an ủi và chỉ dạy đệ tử pháp an ủi (lời Phật xác nhận với tướng Siha) và Ngài giải thích tiếp:

Này Siha, thế nào Gotama chủ trương không hành động, thuyết pháp không hành động và chỉ dạy đệ tử pháp không hành động? Gotama không hành động với thân làm ác, miệng nói ác và ý nghĩ ác, thuyết pháp và chỉ dạy đệ tử theo chiều chỉ ác.

Thế nào Gotama chủ trương hành động, thuyết pháp hành động và chỉ dạy đệ tử pháp hành động? Gotama chủ trương hành động thiện, thuyết pháp hành động thiện, thân miệng ý hướng chiều thiện.

Thế nào Gotama chủ trương đoạn diệt, thuyết pháp đoạn diệt và chỉ dạy đệ tử các pháp đoạn diệt? Gotama đoạn diệt tham sân si, thuyết pháp đoạn diệt tham sân si và chỉ dạy đệ tử pháp đoạn diệt tham sân si.

Thế nào Gotama nhàm chán, thuyết pháp nhàm chán và chỉ dạy đệ tử pháp nhàm chán? Gotama nhàm chán thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, thuyết pháp nhàm chán thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác và chỉ dạy đệ tử pháp nhàm chán ấy.

Thế nào Gotama chủ trương hư vô, thuyết pháp hư vô và chỉ dạy đệ tử pháp hư vô? Gotama chủ trương hư vô tham, hư vô sân, hư vô si, thuyết pháp hư vô tham, hư vô sân, hư vô si và chỉ dạy đệ tử pháp hư vô tham, hư vô sân, hư vô si.

Thế nào Gotama chủ trương khổ hạnh, thuyết pháp khổ hạnh và chỉ dạy đệ tử pháp khổ hạnh? Gotama chủ trương khổ hạnh các pháp bất thiện kể cả thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, đoạn tận như chặt đứt gốc cây đa la, thuyết pháp đoạn tận và chỉ dạy đệ tử những pháp ấy.

Thế nào Gotama chủ trương không nhập thai, thuyết pháp không nhập thai và chỉ dạy đệ tử pháp không nhập thai? Gotama đã đoạn không nhập thai ở tương lai, sự tái sinh đoạn tận gốc rễ không cho sanh khởi ở tương lai, và chỉ dạy đệ tử cũng pháp ấy.

Thế nào Gotama chủ trương an ủi mọi người, thuyết pháp an ủi và chỉ dạy đệ tử pháp an ủi? Gotama là người an ủi, thuyết pháp an ủi và luôn luôn dạy đệ tử pháp an ủi mọi người.

Tướng Siha nghe Phật nói xong rất hoan hỷ, tán thán: Thế Tôn thuyết pháp vi diệu, như dựng đứng lại vật bị quăng ngã, như phơi bày ra vật bị che kín, chỉ đường kẻ lạc hướng, như đem đèn vào bóng tối cho kẻ sáng mắt được thấy đường... Xin Thế Tôn nhận cho con quy y Tam Bảo, làm đệ tử và nguyện hết lòng hộ trì Tam Bảo.

Phật bảo:

- Này Siha “Hãy chín chắn suy nghĩ, chín chắn suy nghĩ kỹ. Có suy nghĩ chín chắn mới tốt, nhất là đối với người danh vị lớn như ngươi”.

Qua câu nói vô tư không chút vướng bận lợi danh khiến cho tướng Siha rất khâm phục Ngài và thành kính, một lần nữa ông thưa: “Xin Thế Tôn nhận cho con được quy y và hộ trì Tam Bảo...”.

Phật dạy tiếp:

- Đã từ lâu gia đình ông là giếng nước mưa nguồn cho người Nigantha, vậy ngươi nên tiếp tục ủng hộ họ. Hãy dành các thức ăn cúng dường cho những ai đến với ngươi.

Tâm lượng bao dung của Đức Phật, không phân chia bỉ thử, ta, người của Ngài khiến cho tướng Siha càng thêm kính mến và khâm phục Đức Thế Tôn.

Bấy giờ Phật thuyết pháp cho tướng Siha về bố thí, trì giới sanh thiên, tai hại của sự ô nhiễm dục lạc... Siha thâm nhận lời Phật dạy rất nhanh chóng. Phật tiếp tục nói pháp Tứ Đế khiến Siha tỉnh ngộ. Sau giờ thuyết pháp, Siha thỉnh Phật và chư Tăng hôm sau về nhà ông để ông cúng dường. Phật nhận lời.

Hôm sau Phật đến nhà Siha thọ trai, tướng Siha thiết trai cúng dường Phật những món thượng vị và tự tay ông bưng, xớt cúng dường Phật và chư Tăng.

Do lòng đố kỵ của ngoại đạo Nigantha nên họ dùng kế hạ uy tín Đức Phật, họ bèn đánh trống chiêng rao khắp nẻo đường phố nói: “Tướng Siha giết vật cúng Gotama. Gotama biết mà vẫn ăn”.

Tin ấy lan khắp mọi nơi. Có người đến báo cáo với tướng Siha, Ông nói:

- Đã lâu các người ấy muốn chỉ trích Đức Phật và chư Tăng nhưng không có cơ hội để họ nói. Những điều xuyên tạc ấy đều vô cơ, trống rỗng, không đúng lẽ thật.

Phật thọ trai xong, Ngài thuyết pháp sách tấn cho tướng Siha và những người thân thuộc. Nghe pháp xong mọi người đều rất vui mừng tin nhận rồi lui. Phật trở về Tinh xá.

(Trích lược Tăng Chi Bộ Kinh)

BÌNH: Qua bài kinh trên chúng ta thấy sự cảm hóa khéo léo nhiệm mầu của Đức Phật. Ngài cảm hóa thế nào? Có phải Ngài dùng uy quyền, thế lực để áp bức kẻ khác theo mình chẳng? Có phải Ngài dùng xảo thuật thu hút người khác chẳng? Có phải Ngài dùng lời lẽ hay khéo lôi cuốn người chẳng? “KHÔNG”. Hoàn toàn không. Ngài chỉ dùng đạo đức và hành động chân thật để cảm hóa người.

Qua lời xuyên tạc của ngoại đạo gán cho Ngài là xấu dở, chủ trương những cái vô lý, thấp hèn như: Gotama chủ trương không hành động, có hành động, nhằm chán, đoạn diệt, hư vô... nhưng Ngài vẫn điềm nhiên không phản đối và vẫn ung dung giải thích lập trường đúng với chánh pháp, làm cho tướng Siha phải cảm thán tinh thần cao thượng và giáo lý siêu việt của Ngài, ông bèn bỏ ngoại đạo xin quy y và tích cực ủng hộ Tam Bảo.

Khi thuyết phục được một người có uy tín lớn của ngoại đạo như tướng Siha và ông ta xin quy y Tam Bảo, đáng lý Phật cũng hãnh diện chấp thuận và khuyến khích tướng Siha lấy uy quyền lôi cuốn người dưới tay mình theo Phật để uy tín Ngài càng lên cao, không ngờ Phật gạn lại: “Này Siha, hãy chín chắn suy nghĩ, chín chắn suy nghĩ kỹ. Có suy nghĩ chín chắn mới tốt, nhất là với người có danh vị lớn như ngươi”.

Ở đây Phật dạy, những ai tin Ngài phải đủ trí phán đoán, nhận xét một cách thấu đáo sẽ tin. Như câu Phật thường nói: “Tin ta mà không hiểu ta là bài báng ta”. Hiểu trước, tin sau, lòng tin mới vững chắc và giúp cho mình thêm trí tuệ. Trái lại, tin một cách mù quáng thì lòng tin yếu đuối, cạn cợt dễ bị người xuyên tạc và gạt gẫm... vì không có trí tuệ. Đức Phật không chấp nhận chúng ta đến với Ngài bằng một lòng tin như vậy. Do lập trường chân chánh và đầy đạo lý ấy, nên Ngài thuyết phục được tướng Siha.

Một điểm nữa không kém phần đạo lý: Sau khi tướng Siha trở thành một Phật tử đã phát nguyện tích cực cúng dường Tam Bảo, lý đáng Phật khuyên giữ trọn lời hứa và khích lệ phục vụ cho Phật và đoàn thể của Phật (Pháp, Tăng), nhưng với tinh thần vô tư không chút vụ lợi, đặt đạo lý từ bi, bình đẳng lên trên, Ngài dạy: “Đã từ lâu gia đình ngươi là giếng nước mưa nguồn cho người Nigantha, vậy ngươi nên tiếp tục ủng hộ họ. Hãy dùng các thức ăn cúng dường cho những ai đến với ngươi”.

Thật cao cả thay cho lòng thương bao la của Đức Phật, thương cho tất cả chúng sanh như một, không đặt riêng tư, không chia thân sơ, cao thấp... Thật xứng với danh “Đạo Sư của Trời người, cha lành trong bốn loại” (Thiên nhân chi Đạo Sư, tứ sanh chi tử phụ).

Đoạn rớt sau, vì đạo hạnh của Ngài cao cả như vậy nên thu hút phần đông tín đồ phái Nigantha (Ni Kiền Tử) theo Phật, nên họ tìm cách hạ uy tín Ngài bằng câu chuyện xuyên tạc trên. Nhưng Phật vẫn bình thản không chút phản kháng việc ngoại đạo vu khống. Ngài chỉ để tướng Siha (đệ tử của phái Nigantha trước kia) xác minh mà thôi. Đây cũng là một điểm kỳ đặc nữa của Đức Phật.

8. Phật thăm bệnh

Kinh Tập A Hàm chép: Ngài Sa Mi Đề Quạt Đa (Samitigutta) trong thời gian tu tập, Ngài mắc bệnh phong cùi, nằm trong phòng Tăng chúng, chân tay lần lần bị lở loét hết, đau đớn vô cùng. Một hôm Phật đến thăm ông. Sau khi săn sóc cho ông, Phật đặc biệt dạy ông lấy công án khổ cảm trong Tứ Niệm Trụ để quán tưởng. Sa Mi Đề Quạt Đa liền chí thành tu pháp ấy mà được giải thoát. Sau ông làm mấy câu kệ tự thuật như sau:

Kiếp trước gây nghiệp ác
Kiếp này chịu quả khổ
Nhân khổ của kiếp sau
Nay đã tiêu trừ hết.

Đến khi duyên hết, Ngài ra đi mà không biến sắc, ngời thân nhiên nhắm mắt thị tịch.

Ngài Xá Lợi Phất có làm bài kệ khen ngợi rằng:
Dây công vun phạm hạnh
Khéo tu tám đạo chánh
Vui vẻ đón cái chết
Như người khỏi bệnh nặng.

BÌNH: Sanh, già, bệnh, chết là lẽ thường, không ai tránh khỏi, dù xuất gia hay tại gia cũng vậy. Ngài Sa Mi Đà Quạt Đa đang khi tu mắc chứng bệnh phong cùi dường như tuyệt vọng. Tuy ông ở trong hoàn cảnh bi đát tột độ, nhưng nhờ gặp được chánh pháp mà ông thoát khổ hiện tại và ra khỏi sanh tử nhiều kiếp.

Khi ông bất lực trước những khổ đau ray rứt, vừa lúc Phật đến an ủi vỗ về và đem pháp lành giáo hóa khiến ông nương đó tu tập mà được giải thoát. Pháp ấy chính là vị thuốc hay cứu ông cả hai thứ bệnh: vật chất lẫn tinh thần.

Phật dạy ông quán “**KHỔ CẢM**” trong Tứ Niệm Trụ, tức là bốn pháp trụ tâm (quán thân, quán thọ, quán tâm, quán pháp) mà đây là pháp trụ tâm nơi cảm thọ khổ (Khổ cảm). Khi trụ tâm quán xét thấy khổ thọ không thật có, nên lần lần ông hết khổ, mặc dù ông vẫn có bệnh, và ông bình thản khi thị tịch.

Ở một bài kinh khác Phật dạy: Khi vị ấy cảm thọ, một cảm thọ cùng tận sức chịu đựng của thân, vị ấy tuệ tri: “Ta đang cảm thọ một cảm thọ cùng tận sức chịu đựng của thân”. Khi vị ấy cảm thọ, một cảm thọ cùng tận sức chịu đựng của sinh mạng, vị ấy tuệ tri rằng: “Ta đang cảm thọ một cảm thọ cùng tận sức sinh mạng”, và vị ấy tuệ tri rằng: “Sau khi thân hoại mạng chung ở đây, mọi cảm thọ cảm giác không có gì đáng hoan hỷ, sẽ đi đến lãng dũ”. Ví như các Tỳ Kheo, do duyên dầu và tim bắc, một ngọn đèn dầu được cháy dở, khi dầu và tim bắc khô cạn cháy hết, không được tiếp nhiên liệu thêm, ngọn đèn ấy bị tắt. Cũng vậy, khi cảm thọ một cảm thọ cùng tận sức chịu đựng của thân, vị ấy tuệ tri rằng: “Ta đang cảm thọ, một cảm thọ cùng tận sức chịu đựng của thân”. Cho đến vị ấy tuệ tri rằng: “Sau khi thân hoại mạng chung ở đây, mọi cảm thọ không có gì đáng hoan hỷ, sẽ đi đến lãng dũ”.

Nghĩa là khi cảm thọ một cảm thọ đau khổ cùng tột, chúng ta vẫn tỉnh sáng rõ ràng trên cảm thọ đó, không khởi tham sân si, tức chúng ta đã làm chủ được cảm thọ

đó và đang trụ tâm trong Thiên định, vị ấy ra đi không để lại dấu vết.

Cũng cùng một trường hợp này, chúng ta hãy xét qua các vị Thiên Sư:

Ngài Động Sơn đến thăm một vị Tăng đang nằm bệnh, Tăng hỏi:

- Khi gió lửa phân ly sẽ về đâu?

Ngài Động Sơn đáp:

- Khi đến chẳng mang một vật, khi đi cũng thế ấy.

- Tuy nhiên thân con chẳng an (bị đau nhức)

- Thân đau nhức có cái chưa từng đau nhức.

- Cái không đau nhức thế nào?

- Ngộ thì trong gang tấc, mê thì cách núi đồi.

- Xin Hòa Thượng chỉ cho con con đường sẽ hướng đến.

- Tối đen tợ như sơn, hiện tại tức thành lập (Chỉ nhớ hiện tại, đừng nghĩ quá khứ và vị lai...).

Xét qua ý Phật và ý Tổ đều đồng không khác. Sở dĩ chúng ta thấy có khổ có vui là vì chúng ta chạy theo thức tình phân biệt, sống với ngoại cảnh mà quên hẳn nội tâm. Một khi nhận biết cảnh ngoài là duyên tạm bợ, “CÓ” là do duyên hợp, “KHÔNG” bởi duyên tan, tan hợp bởi duyên của căn trần, chứ tánh thực không có tan và hợp. Vì vậy nên Ngài Động Sơn nói: “Thân đau nhức có cái chưa từng đau nhức”. Chúng ta hằng sống với cái chưa từng đau nhức thì còn gì làm động được đến ta?

9. Kinh thiên sử

Trong Tăng Bộ Kinh, Phật bảo:

- Này các Tỳ Kheo, điều ta đang nói ta không phải nghe từ một Sa Môn hay Bà La Môn nào khác. Những điều ta đang nói chỉ được ta biết mà thôi, chỉ được ta thấy mà thôi, chỉ được ta hiểu mà thôi.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Sau khi Thiện Thệ nói như vậy, bậc Đạo Sư lại nói thêm như sau:

Dầu Thiên sứ báo động (già, bệnh, chết)

Thanh niên vẫn phóng dật

Chúng ưu buồn lâu dài

Ở đây bậc chân nhân

Không bao giờ phóng dật

Thấy sợ trong chấp thủ

Được giải thoát chấp thủ

Được yên ổn an lạc

Mọi oán hận sợ hãi

Mọi đớn đau sầu khổ

Sanh làm người hạ liệt

Được Thiên sứ báo động

Trong diệu pháp bậc thánh

Trong hiện hữu sanh tử

Sanh tử được đoạn trừ

Ngay hiện tại tịch tịnh

Các vị ấy vượt qua

Chúng đều được siêu thoát.

BÌNH: Trước hết Phật xác định: những điều Phật đang nói chính do Ngài biết, Ngài thấy và Ngài hiểu chứ không phải do nghe các vị Sa Môn hay Bà-la-môn nói. Những điều ấy là gì? Tức là già, bệnh và chết. Phật dùng bài kệ trên để giải thích:

* Bốn câu kệ đầu chỉ cho kẻ phàm phu si mê, mặc dù già, bệnh, chết (Thiên Sứ) báo động cho biết ai ai rồi cũng đi đến đó nhưng họ vẫn buông lung đam mê ngũ dục (tài, sắc, danh, thực, thù). Bởi đam mê ngũ dục mà gây nghiệp thọ báo, chịu các đau buồn hiện tại và đời sau. Nếu có được sanh làm người cũng là kẻ hạ liệt, thấp kém.

* Sáu câu kệ sau Phật nói: ở đây ngược lại các vị chân thật tu hành, biết rõ sự già, bệnh, chết mau chóng nên không một niệm buông lung, thường sống trong pháp màu của Phật. Các vị này thấy sợ các chấp thủ và trong sanh tử hiện hữu, do vậy giải thoát chấp thủ, sanh tử được đoạn trừ: họ yên ổn an lạc,

ngay hiện tại được tịch tịnh. Các vị ấy vượt qua mọi oán hận sợ hãi và mọi đốn đau sầu khổ.

Tóm lại, đại ý Phật nói: tai hại của người si mê dầu biết già, bệnh, chết không ai tránh khỏi mà vẫn buông lung chạy theo ngũ dục, nên hiện đời có nhiều lo buồn sầu khổ, đời sau sanh làm người hạ liệt. Và khen ngợi người có trí huệ chân thật, tu hành biết rõ sự già, bệnh, chết vô thường mau chóng nên không buông lung. **Biết sợ sanh tử và niệm ái trước trong sanh tử, hằng cầu thoát ly sanh tử, kết quả họ sẽ an lạc, tịch tịnh, dứt mọi khổ đau phiền lụy được siêu thoát tự tại. Đây là điều kiện cốt yếu mà người tu phải thường tỉnh giác.** Nếu một niệm xen hở (buông lung) tức bị sanh tử trôi cột. Hằng nhớ tức là giải thoát. Trong Kinh Di Giáo Phật dạy: “Phải nghĩ đến lửa vô thường đang thiêu đốt thế gian, phải sớm cầu tự độ, chớ vì nhân duyên ngủ nghỉ (buông lung) mà để một đời qua suông không được lợi ích”.

Vậy ai là người thấy rõ ba cõi là nhà lửa đang bùng cháy, phải nương lời Phật dạy trên, tinh tấn tu hành để độ mình và độ thoát chúng sanh ra khỏi nhà lửa ba cõi.

10. Lý Duyên Khởi

Trung Bộ Kinh chép: Ngài A Nan Đa bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! cho đến mức độ nào là vừa đủ để nói: “Vị Tỳ Kheo thiện xảo về duyên khởi”.

- Ở đây, này A Nan Đa, vị Tỳ Kheo nên biết như sau:

Nếu cái này có, cái kia có, do cái này sanh, cái kia sanh, nếu cái này không có, cái kia không có, do cái này diệt, cái kia diệt, tức là Vô minh duyên Hành, Hành duyên Thức, Thức duyên Danh sắc, Danh sắc duyên Lục nhập, Lục nhập duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ duyên Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu, Hữu duyên Sanh, do duyên Sanh, Lão, Tử, Sầu, Bi, Khổ, Ưu, Não sanh khởi.

Như vậy, này A Nan! là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Nhưng do sự diệt trừ, sự ly dục hoàn toàn của chính vô minh này, các Hành diệt. Do các Hành diệt, Danh sắc diệt; do Danh sắc diệt, Lục nhập diệt; do Lục nhập diệt, Xúc diệt; do Xúc diệt, Thọ diệt; do Thọ diệt, Ái diệt; do Ái diệt, Thủ diệt, do Thủ diệt, Hữu diệt; do Hữu diệt, Sanh diệt; do Sanh diệt, Lão, Tử, Sầu, Bi, Khổ, Ưu, Não đoạn diệt. Như vậy là đoạn diệt hoàn toàn của khổ uẩn này. Cho đến như vậy, này A Nan Đa là vừa đủ để nói vị Tỳ Kheo thiện xảo về Duyên Khởi.

BÌNH: Phật chỉ nguyên nhân đưa con người vào đường sanh tử, và manh mối giải thoát sanh tử một cách rõ ràng là 12 nhân duyên. Sự quan hệ của 12 nhân duyên rất mật thiết, như sợi dây xích có 12 vòng.

Khởi đầu của 12 vòng đó là Vô minh. Bởi một niệm bất giác nên hiện có Vô minh. Từ vô minh nên có khởi niệm sanh, diệt tạo nghiệp tức Hành. Bởi do Hành thúc đẩy Thức đi thọ sanh tức là Thức. Thức và sắc chất hòa hợp thành bào thai gọi là Danh sắc (vật chất và tinh thần). Do có Danh sắc nên có Lục nhập (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý). Bởi có Lục nhập nên có Xúc, có Xúc nên sanh cảm Thọ. Vì có cảm Thọ nên có thọ vui hoặc thọ khổ. Nếu Thọ khổ thì sanh tắng (ghét), thọ vui thì sanh Ái (ưa). Do Ái nên muốn bảo thủ vật mình yêu thích tức có Thủ. Bởi chấp thủ nên mới có thân sau là Hữu. Do có thân sau nên mới có già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Đó là theo chiều lưu chuyển (sanh diệt) tức là theo chiều thuận của sanh tử.

Trái lại, nếu dùng trí tuệ quán sát dứt si mê điên đảo tức là phá Vô minh. Vô minh hết thì niệm sanh diệt cũng hết tức là dứt Hành. Hành diệt thì Thức cũng hết (Thức diệt). Thức hết thì Danh sắc cũng hết. Danh sắc hết nên Lục nhập cũng không, Lục nhập không nên không có Xúc; Xúc đã không thì Thọ cũng không, Thọ không thì Ái cũng không; Ái không thì Thủ cũng không; Thủ không thì thân sau cũng dứt; thân sau dứt thì sự già, chết, lo buồn, khổ não cũng theo đó đoạn dứt. Tu tập, quán sát như thế gọi là “QUÁN HOÀN DIỆT”, nghĩa là quán ngược chiều sanh tử để được giải thoát.

Tóm lại, nhìn vào 12 nhân duyên chúng ta thấy Vô minh là chủ động đầu mối sanh tử. Tiêu diệt Vô minh là giải thoát sanh tử. Bởi đầu mối còn thì chi mạng ngọn ngành tiếp nối sanh trưởng, đầu mối diệt thì chi mạng ngọn ngành theo đó hết sạch.

Vậy nên người tu tập phải quán triệt lý nhân duyên của Phật dạy, và dùng thanh kiếm trí tuệ sắc bén, thẳng tay chặt đứt sợi dây “VÔ MINH” ràng buộc chúng ta trong nhiều kiếp để ra khỏi ngục tù sanh tử.

11. Tứ Diệu Đế

Trung Bộ Kinh chép: Tại thành Ba La Nại, vườn Lộc Uyển, Tôn Giả Xá Lợi Phất gọi các Tỳ Kheo: Này chư Hiền, vô thượng Pháp luân đã được Thế Tôn khai thị, tuyên thuyết, thị thuyết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ về Khổ, Tập, Diệt, Đạo Thánh Đế.

Này chư Hiền, thế nào là Khổ Thánh Đế?

- Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ, cầu không được là khổ. Tóm lại năm thứ uẩn là khổ.

Này chư Hiền, thế nào là sanh?

- Mỗi mỗi hạng chúng sanh trong từng giới loại, sự sản xuất, xuất sanh, xuất thành, tái sanh của chúng, sự xuất hiện các uẩn, sự hoạch đắc các căn. Này chư Hiền, như vậy gọi là sanh.

Này chư Hiền, thế nào gọi là già?

- Mỗi mỗi chúng sanh trong từng giới loại, sự niên lão, sự hư hoại, trạng thái rụng răng, trạng thái tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ rút ngắn, các căn hủy hoại. Này chư Hiền, như vậy gọi là già.

Này chư Hiền, thế nào gọi là chết?

- Mỗi mỗi chúng sanh trong từng giới loại sự tạ thế, sự từ trần, thân hoại, sự diệt vong, sự chết, sự tử vong, thời đã đến, các uẩn đã tận diệt, sự vất bỏ tử thi. Đây chư Hiền, như vậy gọi là chết.

Này chư Hiền, thế nào gọi là sầu?

- Đây chư Hiền, với những ai gặp phải tai nạn này hay tai nạn khác, với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay đau khổ khác, sự sầu của người ấy. Đây chư Hiền, như vậy gọi là sầu.

Này chư Hiền, thế nào gọi là bi?

- Đây chư Hiền, với những ai gặp tai nạn này hay tai nạn khác, với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay đau khổ khác, sự bi ai, sự bi thảm, sự than van, sự than khóc, sự bi thán, sự bi thống của người ấy. Đây chư Hiền, như vậy gọi là bi.

Này chư Hiền, thế nào gọi là khổ?

- Đây chư Hiền, sự đau khổ về thân, sự không sáng khoái về thân, sự đau khổ do thân cảm thọ, sự không cảm thọ, sự không cảm khoái về thân không cảm thọ. Đây chư Hiền, như vậy gọi là khổ.

Này chư Hiền, thế nào gọi là ưu?

- Đây chư Hiền, sự đau khổ về tâm, sự không sáng khoái về tâm, sự đau khổ do tâm cảm thọ, sự không cảm khoái do tâm không cảm thọ. Đây chư Hiền, như vậy gọi là ưu.

Này chư Hiền, thế nào gọi là não?

- Đây chư Hiền, với những ai gặp tai nạn này hay tai nạn khác, với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay đau khổ khác, sự áo não, sự bi não, sự thất vọng, sự tuyệt vọng của người ấy. Đây chư Hiền, như vậy gọi là não.

Này chư Hiền, thế nào gọi là Cầu bất đắc khổ?

- Đây chư Hiền, chúng sanh bị chi phối bởi sự mong cầu. Mong rằng ta khỏi bị sanh chi phối, mong rằng ta khỏi phải đi

thác sanh. Lời cầu mong ấy không được thành tựu, như vậy gọi là cầu bất đắc khổ. Nầy chư Hiền, chúng sanh bị già chi phối, chúng sanh bị bệnh chi phối, bị chết chi phối, bị sâu, bị khổ, ưu, não chi phối. Mong rằng ta khỏi đường chịu sâu, bi, ưu, não, khổ. Lời mong cầu ấy không được thành tựu, như vậy gọi là cầu bất đắc khổ.

Nầy chư Hiền, như thế tóm lại năm thủ uẩn là khổ: như sắc thủ uẩn là khổ, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Nầy chư Hiền, như vậy tóm lại năm thủ uẩn là khổ.

Nầy chư Hiền, thế nào là khổ Tập Thánh Đế?

- Sự tham ái đưa đến tái sanh, cầu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia, như dục ái, hữu ái, vô hữu ái. Nầy chư Hiền, như vậy gọi là Tập Thánh Đế.

Nầy chư Hiền, thế nào là khổ Diệt Thánh Đế?

- Sự diệt tận không còn duyên tiếc tham ái ấy, sự xả ly, sự khí xả, sự giải thoát, sự vô nhiễm (tham ái ấy). Nầy chư Hiền, như vậy gọi là khổ Diệt Thánh Đế.

Nầy chư Hiền, thế nào gọi là khổ diệt Đạo Thánh Đế?

- Đó là Thánh Đạo tám ngành tức Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định.

Nầy chư Hiền, thế nào là Chánh Tri Kiến?

- Nầy chư Hiền, tri kiến về khổ, tri kiến về tập, tri kiến về diệt, tri kiến về khổ diệt đạo. Nầy chư Hiền, như vậy gọi là Chánh Tri Kiến.

Nầy chư Hiền, thế nào là Chánh Tư Duy?

- Nầy chư Hiền, tư duy về ly dục, tư duy về vô sân, tư duy về bất hoại. Nầy chư Hiền, như vậy gọi là Chánh Tư Duy.

Nầy chư Hiền, thế nào là Chánh Ngữ?

- Tự chế không nói láo, tự chế không nói hai lưỡi, tự chế không nói ác khẩu, tự chế không nói ỷ ngữ. Nầy chư Hiền, như vậy gọi là Chánh Ngữ.

Nầy chư Hiền, thế nào là Chánh Nghiệp?

- Tự chế không sát sanh, tự chế không trộm cắp, tự chế không tà dâm. Nầy chư Hiền, như thế gọi là Chánh Nghiệp.

Nầy chư Hiền, thế nào là Chánh Mạng?

- Nầy chư Hiền, ở đây vị Thánh đệ tử, từ bỏ tà mạng, sinh sống bằng Chánh Mạng. Nầy chư Hiền, như vậy gọi là Chánh Mạng.

Nầy chư Hiền, thế nào là Chánh Tinh Tấn?

- Nầy chư Hiền, ở đây vị Tỳ Kheo đối với các ác, bất thiện pháp, chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi. Vị này nỗ lực tinh tấn, quyết tâm trì chí. Đối với các pháp ác, bất thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn trừ diệt. Vị này nỗ lực tinh tấn, quyết tâm trì chí. Đối với các thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn làm cho sanh khởi. Vị này nỗ lực tinh tấn, quyết tâm trì chí. Đối với các thiện pháp đã sanh khởi, khởi lên ý muốn khiến cho an trú, không cho băng hoại, khiến cho tăng trưởng, phát triển viên mãn. Vị này nỗ lực tinh tấn, quyết tâm trì chí. Nầy chư Hiền, như vậy gọi là Chánh Tinh Tấn.

Nầy chư Hiền, thế nào là Chánh Niệm?

- Nầy chư Hiền, ở đây vị Tỳ Kheo sống quán thân trên thân, tinh cần, tỉnh giác, chánh niệm, sau khi chế ngự tham ưu ở đời, trên các cảm thọ, trên các tâm. Quán pháp trên các pháp, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm, sau khi chế ngự tham ưu ở đời. Nầy chư Hiền, như vậy gọi là Chánh Niệm.

Nầy chư Hiền, thế nào là Chánh Định?

- Nầy chư Hiền, ở đây vị Tỳ Kheo ly dục, ly ác pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh. Vị ấy làm cho tinh chỉ tâm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một

trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ nội tỉnh, nhất tâm. Vị ấy sau khi xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiền thứ ba. Vị ấy xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và an trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, Nầy chư Hiền, như vậy là Chánh Định.

Tôn giả Xá Lợi Phất thuyết giảng như vậy, các vị Tỳ kheo hoan hỷ tin thọ lời Tôn giả Xá Lợi Phất dạy.

BÌNH: Tứ Diệu Đế cũng gọi là Tứ Thánh Đế, chữ Tứ là bốn, chữ Diệu là nhiệm màu, chữ Đế là chắc thật. Nghĩa là bốn lẽ thật nhiệm màu. Phật nói bốn lẽ thật nhiệm màu này dù trải qua thời gian, không gian vẫn không thay đổi. Hàng Thanh Văn nương theo bốn lẽ thật nhiệm màu này mà giác ngộ giải thoát, tức là chứng Tứ quả Thanh Văn (Tu Đà Hoàn, Tu Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán)

Tứ Đế này có hai phần: Một phần nhiễm, một phần tịnh, hay một phần nhân quả thế gian, một phần nhân quả xuất thế gian. Khổ, Tập là nhân quả thế gian (nhiễm). Diệt, Đạo là nhân quả xuất thế gian (tịnh), giải thoát sanh tử.

Giờ đây, chúng ta hãy gẫm sâu từng phần của pháp Tứ Đế: Trước hết xét về Khổ, Tập là nhân quả của thế gian (pháp nhiễm). Trước Phật nói về cái quả Khổ của sự sanh tử (gồm có tám khổ) mà mỗi chúng sanh phải nhận lãnh trong ba cõi sáu đường. Các khổ ấy tuy có vô lượng nhưng không ngoài hai thứ căn bản: khổ về vật chất và khổ tinh thần. Khổ về vật chất thì khổ về sanh, già, bệnh, chết. Khổ về tinh thần thì có khổ yêu thích xa lìa, khổ oán hận gặp gỡ, khổ mong cầu không toại ý, khổ về năm ám xí thạnh. **Tóm lại, do chấp giữ năm uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) mà có các khổ, tức là Khổ Đế.**

Muốn dứt quả khổ sanh tử, Phật dạy phải đoạn trừ Tập như (nguyên nhân tạo thành sanh tử). Nguyên nhân nào tạo thành sanh tử? Tức là phiền não. Phiền não có rất nhiều đến 84.000 phiền não trần lao, nhưng không ngoài sáu món căn bản phiền não là: Tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến. Ác kiến lại có

chia: thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tà kiến, tạo thành mười kiết sử trói cột và sai sử chúng sanh luân chuyển trong ba cõi (căn cứ trong ba cõi: Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới thì gồm có 88 món kiến hoặc, 81 món tư hoặc). **Tóm lại, phiền não tuy nhiều nhưng gốc từ tam độc (tham, sân, si) mà ra. Chỗ phát hiện của nó là thân, miệng và ý làm tập nhen sanh các phiền não là Tập Đế.**

Chúng ta nên tìm hiểu thêm nguồn gốc của tam độc có từ đâu? Như trên đã nói, cội gốc của tam độc do “SI MÊ” mà có. Bởi si mê nên chấp ngã, vì chấp ngã nên phiền não theo đó mà sinh. Dụ như vì chấp thân này là thật nên tìm mọi cách bảo vệ cho thân; nếu việc gì làm cho thân thỏa mãn thì ưa thích, trái lại thì giận ghét. Tất cả phiền não khổ đau theo đó mà khởi.

Vì vậy muốn đoạn trừ Tập nhân sanh tử, Phật dạy phải dứt “VÔ MINH”, tức là diệt trừ tâm si mê chấp ngã. Khi tâm si mê chấp ngã hết, thì tham sân si và các phiền não khác cũng theo đó mà dứt. Tức là chúng ta dứt được Tập nhân sanh tử là con đường tiến lên Diệt Đế (Niết Bàn).

Qua phần Diệt Đế và Đạo Đế là nhân quả xuất thế (tĩnh) ra khỏi sanh tử.

Diệt Đế tức là Niết Bàn. Niết Bàn là quả vị an lạc tịch tịnh, là mục đích của người tu Phật hướng đến. Niết Bàn gồm có hai thứ: Hữu Dư Y Niết Bàn và Vô Dư Y Niết Bàn. Niết Bàn Hữu Dư Y là Niết Bàn mới diệt phiền não, vẫn còn thân, nghiệp báo ngũ uẩn. Niết Bàn Vô Dư Y là Niết Bàn đã dứt được uẩn thân. **Con đường tiến đến Niết Bàn là do dứt sạch ái nhiễm, diệt tham sân si, tức dứt được Tập nhân trong ba cõi. Con đường tiến lên này là Đạo Đế.**

Đạo Đế là con đường dẫn tới ly dục, ái tận Niết Bàn. Con đường ấy đúng với chánh pháp và hợp với chân lý, có khả năng đưa chúng sanh ra khỏi sanh tử, đó là con đường Bát Chánh Đạo, tức tám con đường chánh, hướng đến quả giải thoát. Tám con đường ấy là:

- | | |
|---------------|-------------------|
| 1. Chánh kiến | 2. Chánh tư duy |
| 3. Chánh ngữ | 4. Chánh nghiệp |
| 5. Chánh mạng | 6. Chánh tinh tấn |
| 7. Chánh niệm | 8. Chánh định |

* Thế nào là Chánh kiến? - Tức là nhận biết pháp Tứ Đế như thật (lià các tà kiến: chấp có, chấp không, chấp đoạn, chấp thường).

* Thế nào là Chánh tư duy? - Tư duy về lý dục, vô sanh, bất hoại.

* Thế nào là Chánh ngữ? - Không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói ác khẩu, không nói ý ngữ.

* Thế nào là Chánh nghiệp? - Giữ giới chân chánh không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm...

* Thế nào là Chánh mạng? - Xa lìa tà mạng, thực hành chánh mạng (nghề nghiệp sanh sống chơn chánh).

* Thế nào là Chánh tinh tấn? - Siêng năng đoạn ác, tu thiện. Điều ác chưa sanh không để sanh, điều ác đã sanh khiến đoạn diệt, điều thiện chưa sanh khiến sanh, điều thiện đã sanh khiến tăng trưởng.

* Thế nào là Chánh niệm? - Thường quán thân, quán thọ, quán tâm, quán pháp, tinh cần tỉnh giác để xa lìa tham ưu ở thế gian.

* Thế nào là Chánh định? - An trụ tâm trong Tứ Thiên: 1. Do ly dục sanh hỷ lạc, 2. Do định lực kiên cố sanh hỷ lạc, 3. Do lìa được hai thứ hỷ lạc trên mà có được cái vui diệu lạc, 4. Do xả được niệm khổ vui mà được đến chỗ tịch tịnh bất động.

Tóm lại, Tứ Diệu Đế là bốn lẽ thật do Đức Phật phát minh, bốn lẽ thật này chỉ cho chúng sanh thấy rõ cái khổ của sự luân hồi trong ba cõi (Khổ đế) và nguyên nhân tạo thành sự luân hồi ấy (Tập Đế). Khi chúng sanh biết được sự khổ đau của luân hồi sanh tử, và nguyên

nhân tạo nên luân hồi sanh tử ấy mới khởi niệm xa lìa, cầu giải thoát sanh tử. Bây giờ Phật mới chỉ thẳng mục đích thoát ly sanh tử là đạt Niết Bàn an lạc (Diệt Đế). Con đường đạt đến Niết Bàn chính là Bát Chánh Đạo (Đạo Đế).

Vậy ai là người muốn dứt hết khổ đau trong sanh tử, được tự tại trong giải thoát đến quả vô sanh, phải nương theo pháp Tứ Diệu Đế của Phật dạy trên làm kim chỉ nam tiến đạo, con đường thoát ly sanh tử quyết định sẽ đến gần.

12. Kinh tiểu nghiệp phân biệt

Tôi nghe như vậy:

Một hôm Thế Tôn ở thành Xá Vệ rừng Kỳ Đà tại Tinh xá ông Cấp Cô Độc. Một thanh niên Subhatodeyyaputta đi đón Thế Tôn, sau khi đến nói với Thế Tôn những lời hỏi thăm rồi liền ngồi xuống một bên. Thanh niên Subhatodeyyaputta bạch với Thế Tôn: Thưa Tôn giả Gotama! Do nhân gì, do duyên gì giữa loài người với nhau khi chúng ta là loài người, lại thấy có người liệt, có người ưu? Thưa Tôn giả Gotama, chúng ta thấy có người đoản thọ (chết yếu), có người trường thọ (sống lâu); có người nhiều bệnh, người ít bệnh; người có sắc xấu, người có sắc đẹp; người có quyền thế lớn, người có quyền thế nhỏ; người tài sản lớn, người có tài sản nhỏ; có người thuộc gia đình hạ liệt, có người thuộc gia đình cao quý; có người trí tuệ kém, có người có đầy đủ trí tuệ? Thưa Tôn giả Gotama! Do nhân gì, duyên gì giữa loài người với nhau mà lại thấy có người liệt, có người ưu?

Phật đáp:

- Này thanh niên, các loài hữu tình là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp. Nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyền thuộc, nghiệp là điểm tựa, nghiệp phân chia các loài hữu tình, nghĩa là có liệt có ưu.

- Tôi không hiểu nghĩa một cách rộng rãi điều mà Tôn giả Gotama nói một cách vắn tắt không có giải nghĩa rộng rãi. Lành thay! Nếu Tôn giả Gotama thuyết pháp cho tôi, để tôi có thể hiểu nghĩa một cách rộng rãi, điều mà Tôn giả Gotama nói một cách vắn tắt, không có giải nghĩa rộng rãi thì tôi không thể hiểu được.

- Vậy này thanh niên, hãy nghe và suy nghiệm, ta sẽ nói.

- Thưa vâng Tôn giả.

Rồi Thế Tôn nói như sau:

- Ở đây này thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông sát sanh tàn nhẫn, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đả thương, tâm không từ bi đối với các loài chúng sinh. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú đọa xứ địa ngục; nếu không sanh vào cõi dữ mà được sanh vào loài người, chỗ nào nó sanh ra nó phải đoản mạng (chết yếu). Con đường ấy đưa đến đoản mạng. Này thanh niên, tức là sát sanh tàn nhẫn, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đả thương, tâm không từ bi đối với các loài hữu tình.

Nếu từ bỏ sát sanh, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và các loài hữu tình, do nghiệp ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào thiện thú, nếu sanh ở loài người thì được trường thọ, đó là con đường đưa đến trường thọ.

Ở đây, này thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông tánh hay nảo hại các loài hữu tình, tay với cục đất hay với cây gậy, cây dao, do nghiệp ấy thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung nó sanh vào cõi dữ, ác thú đọa xứ địa ngục. Nếu không sanh vào ác thú mà được đến loài người, chỗ nào nó sanh ra nó phải bị nhiều bệnh hoạn, con đường ấy đưa đến bệnh hoạn. Này thanh niên! tức là tánh hay nảo hại các loài hữu tình với tay hay với cục đất, hay với cây gậy, cây dao.

Nhưng ở đây, này thanh niên, nếu từ bỏ não hại các loài hữu tình, có lòng từ đối với các loại chúng sanh, do nghiệp ấy thành đạt như vậy, sau khi thân hoại mạng chung nó được sanh vào thiện thú. Nếu không được sanh vào thiện thú mà được sanh ở loài người thì nó được ít bệnh hoạn. Con đường ấy đưa đến ít bệnh hoạn.

Ở đây này thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông phần nộ, nhiều phật ý, bị nói đến một chút thì bất bình, phần nộ, sân hận, chống đối và tỏ vẻ phần nộ, sân hận bất mãn. Do nghiệp ấy thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào cõi dữ. Nếu sanh được ở loài người thì nó bị xấu sắc. Con đường ấy đưa đến xấu sắc. Này thanh niên tức là phần nộ, bất mãn...

Ở đây này thanh niên, nếu trái lại không phần nộ, không phật ý, không sân hận, bất mãn... do nghiệp thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung nó được sanh vào thiện thú. Nếu được sanh ở loài người thì nó được đẹp sắc. Này thanh niên, tức là không phần nộ, không phật ý, không sân hận, không bất mãn...

Ở đây này thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông tật đố (ganh ty) đối với người khác được quyền lợi, được tôn trọng, cung kính, tôn sùng, đánh lễ, cúng dường, sanh tâm tật đố (ganh ghét) ôm ấp tâm tật đố. Do nghiệp như vậy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy sau khi thân hoại mạng chung nó sanh vào ác thú, nếu không sanh vào ác thú mà được sanh ở loài người thì nó chỉ được quyền thế nhỏ. Con đường ấy đưa đến quyền thế nhỏ. Này thanh niên tức là tật đố, ôm ấp tâm tật đố.

Nhưng ở đây, này thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông không có tâm tật đố (tâm ganh ty) đối với những người khác được quyền lợi, được tôn trọng, cung kính, tôn sùng, đánh lễ, cúng dường, không sanh tâm tật đố, không ôm ấp tâm tật đố. Do nghiệp ấy, sau khi thân hoại mạng chung nó được sanh vào thiện thú, nếu nó được sanh ở loài người thì nó được quyền

thế lớn. Con đường ấy đưa đến quyền thế lớn. Này thanh niên, tức là không tật đố, không ôm tâm tật đố.

Ở đây này thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông không bố thí cho vị Sa Môn hay Bà La Môn đồ ăn uống, y phục, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, ngọc cụ, nhà cửa, đèn đuốc. Do nghiệp ấy đọa xứ địa ngục. Nếu không bị đọa xứ địa ngục mà được sanh ở loài người thì nó chỉ được tài sản nhỏ.

Này thanh niên, nếu ngược lại thì sau khi thân hoại mạng chung thì được sanh vào thiện thú, nếu sanh ở loài người thì được tài sản lớn.

Ở đây này thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông ngạo nghễ, kiêu mạn, không đánh lễ với những người đáng đánh lễ, không đứng dậy đối với những người đáng đứng dậy, không mời ngồi đối những người đáng mời ngồi, không tôn trọng đối với những người đáng tôn trọng, không cung kính đối với những người đáng cung kính, không cúng dường đối với những người đáng cúng dường. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào cõi dữ, đọa xứ, nếu được sanh ở loài người thì nó bị sanh vào gia đình hạ liệt. Con đường đưa đến gia đình hạ liệt là không cúng dường những người đáng cúng dường ...

Nhưng ở đây này thanh niên, nếu ngược lại thì sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào thiện thú, nếu sanh ở loài người thì nó được sanh vào gia đình cao quý. Con đường đưa đến gia đình cao quý là cúng dường những người đáng cúng dường...

Ở đây này thanh niên có người đàn bà hay đàn ông sau khi đi đến vị Sa Môn hay Bà La Môn không thưa hỏi...

Thưa Tôn giả thế nào thiện? Thế nào là bất thiện? Thế nào là phạm tội? Thế nào là không phạm tội? Thế nào là cần phải thực hành? Thế nào là không cần phải thực hành? Tôi phải làm gì để phải không lợi ích và đau khổ lâu dài? Hay tôi phải làm gì để được lợi ích và an lạc lâu dài? Do nghiệp ấy thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, nó sanh

vào ác thú, đọa xứ. Nếu sanh ở loài người thì nó ở vào trí huệ kém. Con đường đưa đến trí huệ kém, không được lợi ích và hạnh phúc lâu dài, tức là không thừa hồi.

Nhưng ở đây, này thanh niên nếu ngược lại tức là thừa hồi. Do nghiệp ấy sau khi thân hoại mạng chung nó được sanh vào thiện thú, nếu sanh ở loài người thì nó được đầy đủ trí huệ, đó là con đường đưa đến đầy đủ trí huệ, lợi ích an lạc lâu dài.

Ở đây này thanh niên, con đường đưa đến đoán thọ, dẫn đến đoán thọ, con đường đưa đến trường thọ, dẫn đến trường thọ, con đường đưa đến nhiều bệnh, dẫn đến nhiều bệnh, con đường đưa đến xấu sắc, dẫn đến xấu sắc, con đường đưa đến đẹp sắc, dẫn đến đẹp sắc, con đường đưa đến quyền thế nhỏ, dẫn đến quyền thế nhỏ, con đường đưa đến quyền thế lớn, dẫn đến quyền thế lớn, con đường đưa đến tài sản nhỏ, dẫn đến tài sản nhỏ; con đường đưa đến tài sản lớn, dẫn đến tài sản lớn, con đường đưa đến gia đình hạ liệt, dẫn đến gia đình hạ liệt, con đường đưa đến gia đình cao quý, dẫn đến gia đình cao quý, con đường đưa đến trí tuệ yếu kém, dẫn đến trí tuệ yếu kém, con đường đưa đến đầy đủ trí tuệ, dẫn đến đầy đủ trí tuệ.

Này thanh niên Subhatodeyyaputta, các loài hữu tình là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự nghiệp. Nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Nghiệp phân chia các loài hữu tình, nghĩa là có liệt có ưu.

Khi nghe nói như vậy, chàng thanh niên Subhatodeyyaputta nói với Thế Tôn: “Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama. Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho những người bị lạc hướng, đem đến ánh sáng vào trong bóng tối, để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, chánh pháp đã được tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện, trình bày giải thích. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y pháp, quy y chúng Tỳ Kheo. Mong Tôn giả nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung con trọn đời xin quy ngưỡng”.

BÌNH: Nhìn chung trên nhân loại, chúng ta không khỏi thắc mắc tại sao cũng đồng sanh làm người lại có sự sai biệt: như người sống lâu, kẻ chết yếu, người mạnh khỏe, kẻ đau ốm, người nhan sắc đẹp đẽ, kẻ thân thể xấu xa, người sanh ra có tài sản, có quyền thế lớn lao, người sanh ra nghèo cùng, hạ liệt. Cho đến phần tinh thần cũng khác: kẻ khôn người dại, kẻ thông minh người ngu tối...

Ở đây Phật căn cứ theo nghiệp để giải thích. Phật dạy: Các loài hữu tình là chủ của nghiệp, là thừa tự của nghiệp. Nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa, nghiệp phân chia các loài hữu tình, nghĩa là có liệt có ưu.

Các loài hữu tình (tất cả chúng sanh có tình thức) đều là chủ nhân ông của nghiệp. *Nghiệp là những tập quán, những thói quen do ta huân tập lâu đời thành nghiệp, như người tập uống rượu lâu thành nghiện rượu, người tập đánh bạc lâu thành người cờ bạc... nó phát xuất từ thân, miệng, ý của chúng ta chớ không phải từ đâu đem đến, nên gọi là “CHỦ TẠO NGHIỆP”. *Khi đã tạo thành nghiệp, chúng hữu tình luôn luôn bị lệ thuộc vào nghiệp, làm tôi đòi cho nghiệp, như đây tớ bị chủ nhà sai khiến, nên gọi là “THỪA TỰ” của nghiệp. *Từ nghiệp chuyển biến mà chúng hữu tình sanh các cảnh giới lành, hoặc dữ... nên gọi nghiệp là “THAI TẶNG”. *Cuộc sống của các hữu tình đều hòa đồng với nghiệp không thể chia cách, như bà con thân thiết nên gọi nghiệp là “QUYẾN THUỘC”. *Nghiệp là chỗ nương tựa cho mạng sống của chúng hữu tình. Còn nghiệp thì mạng sống còn, hết nghiệp thì mạng sống cũng theo đó mà dứt, nên gọi nghiệp là “ĐIỂM TỰA”. *Các loài hữu tình bị lưu chuyển trong ba cõi, sáu đường đều do nghiệp dẫn và phân chia trong các cõi, nên gọi nghiệp “PHÂN CHIA” các loài hữu tình. Chúng sanh có ưu liệt bất đồng, gốc bởi do nghiệp, không chi khác.

(Phần này chỉ nói tổng quát của nghiệp, chúng ta nên xem lại văn Kinh để rõ thêm về chi tiết của nghiệp, mà Phật đã giải thích qua bài Kinh: “Tiểu nghiệp phân biệt” này).

Tóm lại, nghiệp là động cơ tạo thành cuộc sống sai biệt của con người. Nghiệp có sức mạnh lôi cuốn chúng sanh vào vòng lục đạo. Bởi nghiệp mà tạo nên quả khổ vui cho chúng sanh hiện tại và tương lai...

Nghiệp phát xuất từ thân, khẩu, ý. Nếu thân, khẩu, ý hướng về chiều thiện thì con người sẽ tiến lên địa vị cao hơn, như các cõi Trời... Trái lại, nếu hướng về chiều ác thì con người phải đọa xuống địa ngục, ngạ quỷ... Vì thế mà có lục đạo luân hồi. Trong hiện đời mỗi hành động tạo nghiệp đều có kết quả hiện tại và mai sau.

Nghiệp có tác dụng lớn lao như thế nên người tu phải thận trọng trong mỗi lời nói, mỗi ý nghĩ, mỗi việc làm phải cân nhắc kỹ lưỡng, nhất là đối với ý nghiệp càng phải thận trọng hơn (vì ý nghiệp là chủ động tạo nghiệp). Nghiệp đã tạo thì quả báo khó tránh. Kinh Nhân Quả có câu: “Giả sử bá thiên kiếp sở tác nghiệp bất vong, nhân duyên hội ngộ thời quả báo hoàn tự thọ”. Nghĩa là giả sử trăm ngàn kiếp nghiệp không mất, khi đã đủ nhân duyên quả báo tự mình chịu.

Vậy ai là người muốn hiện đời được an lạc, hạnh phúc và sau khi lâm chung được kết quả sanh các cảnh giới lành, phải tránh các điều dữ, làm các việc lành. Tiến lên một tầng nữa, muốn ra khỏi luân hồi trong ba cõi cũng phải giữ gìn ba nghiệp, phiền não, vô minh lần lần dứt sạch thì chắc chắn chúng ta sẽ thoát ly sanh tử, bằng chứng Phật dạy: “Ba nghiệp đồng thanh tịnh đồng Phật vắng Tây phương”.

13. Kinh Điều Ngự

Trung Bộ Kinh chép: Một hôm có Aggivessana dòng Bà La Môn đến hỏi Phật về phương pháp tu hành, Phật dạy:

- Nay Aggivassana, sau khi vị Thánh đệ tử đã giữ giới Patimokkha đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong lối nhỏ nhặt, thọ lãnh và tu học trong học pháp. Như Lai lại huấn luyện thêm cho đệ tử ấy: “Hãy đến này Tỳ Kheo, hãy

bảo hộ các căn, khi mắt thấy sắc chớ có nắm giữ tướng chung, chớ có nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì nhân căn không được chế ngự khiến tham, ái, ưu, bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, hãy tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhân căn. Khi tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân cảm xúc, ý nhận thức các pháp, chớ có nắm giữ tướng chung, chớ có nắm giữ tướng riêng”.

Như Lai huấn luyện thêm vị Thánh đệ tử ấy: “Hãy đến này Tỳ Kheo, hãy tiết độ trong ăn uống, chớ chánh giác sát thọ dụng món ăn, không phải để vui đùa, không phải để tham mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, chỉ để thân này được duy trì, được bảo dưỡng khỏi bị gia hại, để chấp trì phạm hạnh, nghĩ rằng: Như vậy ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới, và ta sẽ không phạm lỗi lầm, sống được an ổn”.

Này Aggivessana, sau khi vị Thánh đệ tử đã tiết độ trong ăn uống, Như Lai lại huấn luyện thêm vị ấy: “Hãy đến này Tỳ Kheo, hãy chú tâm vào giác tỉnh. Ban ngày đi kinh hành và trong khi đang ngồi, hãy gọi sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp, ban đêm trong canh một, trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi hãy gọi sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp, ban đêm trong canh giữa hãy nằm xuống phía hông phải như dáng con sư tử nằm, chân gác lên với nhau, chánh niệm tỉnh giác, hướng niệm đến lúc ngồi dậy. Ban đêm trong canh cuối, khi đã thức dậy, trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, hãy gọi sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp”.

Sau khi vị đệ tử đã chú tâm vào giác tỉnh, Như Lai lại huấn luyện thêm vị ấy: “Này Tỳ Kheo, hãy thành tựu chánh niệm tỉnh giác, khi đi tới, khi đi lui đều tự giác, khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tự giác, khi mang y kẹp bình bát, thượng y đều tự giác, khi co tay khi duỗi tay đều tự giác, khi ăn uống, nhai, nuốt đều tự giác, khi đi đại tiểu tiện đều tự giác, khi đi đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói, yên lặng đều tự giác”.

Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gội rửa tâm hết tham ái, từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng tự mãn thương xót tất cả chúng hữu tình, gội rửa tâm hết sân hận. Từ bỏ hôn trầm, thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm, thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gội rửa hết tâm hôn trầm thụy miên. Từ bỏ trạo cử, hối quá, nội tâm trầm lặng, gội rửa hết trạo cử hối quá. Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống với tâm thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gội rửa hết nghi ngờ đối với thiện pháp. Vị ấy sau khi đoạn trừ năm triền cái, những triền cái làm ô nhiễm tâm tư, làm yếu ớt trí huệ, vị ấy sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để điều phục tham ưu ở đời. Vị Tỳ Kheo kham nhẫn, lạnh, nóng, đói, khát, sự xúc chạm của ruồi muỗi, gió, mặt trời và các loài bò sát, các ác ngữ, các lời nói chửi mắng, vị ấy sống quen kham nhẫn với những cảm thọ về thân, thống khổ, đau nhói, đau đớn đến chết, được gội sạch về uế nhiễm, tham, sân, si. Vị ấy xứng đáng được cúng dường, cung kính, tôn trọng, chấp tay, là vô thượng phước điền trên đời.

BÌNH: Bài kinh trên đây là phương pháp Phật dạy cho Sa Môn, Bà La Môn tu hành để ra khỏi sanh tử. Người muốn ra khỏi sanh tử điều kiện trước tiên là phải giữ giới thanh tịnh, đối với một lỗi nhỏ không trái phạm, các oai nghi đều đủ không thiếu khuyết. Kế đến phải bảo hộ các căn, nghĩa là mắt thấy sắc không chạy theo sắc, phân biệt tốt xấu, sanh tâm yêu ghét... tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý biết pháp cũng đều không khởi phân biệt. Mỗi khi có niệm tham ái, lo buồn khởi lên nên tìm xét tội nguyên nhân của nó và chế ngự kịp thời không để nó khuấy nhiễu, hằng xa lìa các sắc tướng của sáu trần, khiến tâm ý được vắng lặng.

Đối với việc ăn uống phải tiết độ, nghĩa là phải ăn uống có chừng mực vừa đủ, không tham thích món ngon vật lạ. Phải luôn luôn xét nghĩ: ăn uống để duy trì mạng sống, tiến tu đạo nghiệp chớ không phải vì để ngon miệng, béo thân. Hằng xét nét như vậy để dứt trừ các cảm thọ yêu thích mùi vị. Khi tiết

độ ăn uống xong, Phật dạy chúng ta lúc ngủ, lúc thức hằng phải “TỈNH GIÁC”. Ban đêm lúc đầu hôm đi kinh hành hoặc ngồi gọi sạch tâm trí khỏi chướng ngại pháp, nghĩa là giữ tâm vắng lặng không để một pháp bất thiện xen vào (không cho vọng tưởng khuấy nhiễu). Giữa đêm nằm nghỉ đúng pháp nằm của Như Lai. Cuối đêm thức dậy kinh hành và hằng tỉnh giác để xa lìa mọi pháp chướng ngại.

Sau khi chú tâm vào tỉnh giác, Phật dạy chúng ta phải thành tựu “CHÁNH NIỆM TỈNH GIÁC”, nghĩa là đối với mọi động tác hằng ngày phải nhiếp tâm trong chánh niệm. Khi đi biết mình đang đi, khi đứng biết mình đang đứng, khi ăn cơm biết mình đang ăn cơm, khi rửa bát biết mình đang rửa bát... không xen một niệm khác, nghĩa là biết rõ mình từng phút giây không một niệm lãng quên.

Khi thành tựu “CHÁNH NIỆM TỈNH GIÁC”, Phật dạy người tu tập phải xa lìa “NĂM MÓN TRIỀN CÁI” hằng che đậy tâm tánh, trí huệ do đó mà không tăng trưởng được. Năm triền cái là: *Tham dục (tham mê ngũ dục), *sân hận (giận tức, buồn phiền), *thùy miên (ngủ nghỉ, lười biếng), *trạo hối (xao xuyên và hối hận), *nghi (nghi ngờ, do dự đối với chánh pháp) và dứt bỏ lòng tham ưu thế gian, khởi tâm đại bi thương xót tất cả chúng hữu tình.

Đã dứt “NGŨ TRIỀN CÁI” xong, Phật dạy chúng ta phải tu pháp nhẫn nhục, nghĩa là đối với hoàn cảnh phải nhẫn nhục, chịu mọi sự lạnh, nóng, đói, khát, sự xúc chạm của ruồi, muỗi, rắn, rết... cho đến kham nhẫn mọi tiếng dèm pha mắng chửi... Tóm lại, đối với tự thân “PHẢI NHẪN CHỊU MỌI THỨ ĐAU ĐÓN THỐNG KHỔ BỨC BÁCH, GỌI SẠCH UẾ NHIỄM, THAM, SÂN, SI”.

Phương pháp thực hành Phật dạy trên gọi là “CHÁNH HẠNH”, nó phù hợp với pháp “BÁT CHÁNH ĐẠO” là con đường ly dục tịch tịnh an lạc, giải thoát. Vì thế người muốn đạt đến quả vị Niết Bàn phải ngay nơi đây mà thực hành, khởi phải tìm kiếm con đường nào khác nữa.

14. Đức Phật đáng kính

Một hôm tại thành Xá Vệ vườn ông Cấp Cô Độc buổi chiều sau khi thọ thực xong, Tôn giả Nancada đang thuyết pháp cho các Tỳ Kheo nghe, vì hứng thú, phần khởi Ngài thuyết quá dài. Lúc ấy Thế Tôn từ chỗ tịnh cư đi đến thấy cửa đóng và bên trong nghe Tôn giả Nancada đang thuyết pháp, Ngài bèn đứng lại bên ngoài nghe. Đợi khi Tôn giả Nancada thuyết pháp xong, Thế Tôn mới tăng háng và lấy tay gõ cửa. Tôn giả Nancada bước ra mở cửa, Phật nói: “Ông nói pháp môn dài, ta đứng nghe muốn mỏi lưng”. Tôn giả thưa: “Con không biết Thế Tôn đến, nếu con biết Thế Tôn đến con sẽ nói ngăn lại”. Rồi Phật bảo: “Các ông cùng hòa hợp với nhau nói pháp là tốt”.

BÌNH: Đọc qua bài kinh này, chúng ta thấy tư cách Đức Phật có đáng cho mọi người tôn kính hay chẳng? Dù là một bậc Thầy, Ngài vẫn không ý lại tư cách người trên mà xuống pha làm mất sự trang nghiêm của hàng đệ tử. Giả sử chúng ta ở trường học này có thể khiêm tốn đứng chờ ngoài cửa như vậy chẳng? Hay là vừa mới đến, thấy cửa đóng liền lấy tư cách một bậc Thầy gõ cửa để mong cho người ta mở, khởi phải nhọc nhằn đứng đợi. Thế là vừa làm đứt quãng thời pháp, lại gây sự phóng tâm cho người. Vậy nên câu nói của Đức Phật: “Ông nói pháp dài, ta đứng nghe muốn mỏi cả lưng” khiến chúng ta đầy cảm kích. Quả là một cử chỉ khó ai bắt chước được.

Một lần khác, khi Phật đi trên đường gặp một đám trẻ đang chơi đùa bên những ụ cát, thấy Phật đi đến, chúng hoảng hốt chạy tránh một bên, vừa nhìn Ngài như cầu cứu, lại vừa luyến tiếc nhìn mấy bức thành và mấy mô nhà bằng cát tưởng chừng như sắp tan rã dưới bước chân của Ngài. Và lạ thay, Thế Tôn bước tránh qua một bên đường... Sau bước chân Ngài đi qua, còn để lại những nét hoan hỷ trên từng gương mặt ngây thơ. Ngài vẫn tôn trọng đến những tâm hồn bé bỏng. Đúng là một hình đẹp về bậc tôn quý ấy. Như vậy, chúng ta nhớ lại câu “Vạn đức Từ dung” quả thật không sai. **Chẳng những Ngài đẹp về hình tướng bên ngoài mà đẹp cả về đức độ bên**

trong, cho đến đẹp giữa đời sống trí tuệ vô thượng. Do vậy, chúng ta ngày nay lạy Ngài là lạy trên những cái đẹp đó, không phải lạy vì để cầu Ngài ban bố cho nhiều phước lành, đó là chúng ta đã tự đánh mất ý nghĩa cao đẹp của một “BẬC THẦY ĐÁNG KÍNH” vậy.

15. Phật xả tuổi thọ

Trong Tăng Chi Bộ Kinh chép: Một hôm Phật đến thành Tỳ Xá Ly, bảo A Nan và đại chúng đến Kapala nghỉ trưa. Phật nói với Ngài A Nan:

- Người đủ tứ thần túc có thể kéo dài mạng sống một kiếp hoặc một kiếp còn lại. Phật lập lại câu ấy ba lần, nhưng Ngài A Nan vẫn làm thính.

Bấy giờ Phật xả tuổi thọ. Quả đất đều rung động. Phật nói bài kệ cảm khái như sau:

Mạng sống có hạn hay vô hạn
Đạo sĩ xả bỏ không kéo dài
Nội tâm an lạc, trụ Thiền định
Như thoát áo giáp tự ngã mang.

BÌNH: Đọc đoạn kinh này chúng ta có thắc mắc Ngài A Nan không? Vô tình hay cố ý mà khi nghe Phật gợi ý Ngài có thể “KÉO DÀI TUỔI THỌ” mà Ngài A Nan không thỉnh Phật trụ thế để lợi lạc cho quần sanh? Thật ra điều này cũng khó hiểu. Đâu phải Ngài A Nan không cảm mến Đức Phật (Ngài A Nan là em của Phật đồng thời làm thị giả cho Phật), hay không thấy sự có mặt của Đức Phật là quan trọng? Về điểm này có nhiều chỗ giải thích: Do cơ duyên giáo hóa của Phật ở cõi này đã mãn, khiến cho Ma Vương ám ảnh làm Ngài A Nan mất trí sáng suốt nên không kịp thưa thỉnh Phật trụ thế. Khi Phật đã tuyên bố xả tuổi thọ xong, Ngài hẹn ba tháng sau sẽ nhập Niết Bàn. (Có lần Ma Vương đến nhắc Phật Niết Bàn, Phật lập lại lời hứa đó). Quả nhiên ba tháng sau Phật nhập Niết Bàn.

Điều này có đáng cho chúng ta buồn không?

Chúng ta xét thêm về ý nghĩa bài kệ Phật nói, sau khi Ngài tuyên bố xả thọ: “Dù mạng sống có thời hạn hay không thời hạn, đối với đạo sĩ (Phật) không một chút tiếc nuối nên không kéo dài. Tâm Ngài vẫn vui vẻ và an trụ trong Thiên định. Sự xả bỏ mạng sống này như người cởi bỏ chiếc áo giáp đã mang, chúng không có gì quan trọng”.

Vậy Phật có tiếc thân không? Ngài không chút hối tiếc, mặc dù Ngài có đủ khả năng kéo dài mạng sống. Tại sao Phật không tiếc thân? Vì sự đến của Ngài là tùy duyên ứng hiện để giáo hóa lợi ích cho chúng sanh. Khi xong việc Ngài hết bốn phận, việc ra đi của Ngài là lẽ dĩ nhiên chứ đâu có gì hối tiếc. Hơn nữa sự đến và đi của Ngài chẳng qua ẩn nơi này hiện nơi khác chứ đâu phải mất hẳn. Như vị bác sĩ giỏi, đến bệnh viện này trị lành các bệnh nhân xong đi đến bệnh viện khác mà thôi, ông bác sĩ đâu có mất.

Pháp thân Phật vốn không đi, đến, sanh, diệt, tùy cơ duyên giáo hóa mà hiện có sanh, diệt, đến, đi, nhưng tánh thể vẫn bất động. **Đây là lý nhiệm màu của Đức Phật mà thường tình chúng ta không hiểu nổi.** Vì thế, có người hỏi: “Phật Niết Bàn còn hay mất?”. Phật im lặng không đáp là nghĩa này vậy.

Xét rộng ra, tuy Phật không nói còn hay mất, song qua bài kệ trên đã ngầm ý cho chúng ta thấy câu chót “Như thoát áo giáp tự ngã mang”, nghĩa là sự nhập Niết Bàn của Ngài cũng như người cởi chiếc áo đã mang vậy thôi, chớ có gì là còn hay mất. **Do đó, Thiên Sư Từ Minh cũng thường nói: “Sanh như đắp chặn Đông, tử như cởi áo Hạ”. Đó là việc sanh tử đối với người đã đạt Đạo; ứng đến liền đến, ứng đi liền đi không gì ngăn ngại.**

Còn chúng ta thì sao? Hãy xét kỹ điều này.

PHẦN HAI

TRÍCH DIỄN GIẢNG LUẬN

1. Chỉ một chữ biết

Có lẽ mỗi người chúng ta ai ai cũng không còn lạ gì khi nhắc đến chữ “BIẾT”. Có thể nói chúng ta đã gặp nó hàng trăm, hàng ngàn lần trong cuộc sống hàng ngày. Nơi gia đình, trong sách vở, ở học đường, ngoài xã hội, giữa công việc làm, đâu đâu chúng ta cũng có gặp, đến nỗi mỗi khi nhắc đến tưởng chừng như chúng ta đang sống trong đó không cần suy nghĩ chút gì. Thế nhưng hỏi lại, có ai đã thật sự chạm đến chữ “BIẾT” này một lần nào chưa? Quả là chúng ta đang vẫy vùng trong đó như sóng đang vẫy vùng trong nước.

Này chúng ta hãy nhìn một ngọn sóng đang vươn lên, và chúng ta có cảm nhận được cái gì? Phải chăng chúng ta đang sống trong ngọn sóng ấy, từ nước mà vươn lên vẫy vùng trong nước? Có bao giờ sóng tách rời khỏi nước? Thế mà có bao giờ sóng tìm gặp nước? Lượn sau cứ tiếp đuổi lượn trước từ ngày này qua ngày khác mà không thể tìm đâu là chỗ gặp nhau. Cũng vậy, chúng ta có bao giờ chẳng cùng sống “ĐÔI SỐNG BẤT SANH BẤT DIỆT” nhưng cứ đeo đuổi mãi theo những lượn sóng sanh diệt, cái “BIẾT” này tiếp đuổi cái “BIẾT” kia, thế nên chưa bao giờ chạm mắt một lần BIẾT. Có thể chúng ta cũng có biết và biết thật nhiều, cho đến trí óc chúng ta đầy ắp không còn chỗ để chứa, song xét kỹ lại chúng ta có thật sự BIẾT gì đâu? Khi còn suy nghĩ này nọ tức còn nói: “Tôi BIẾT thế này, tôi BIẾT thế kia...” chợt khi chết giấc hoặc lúc ngủ mê thì hỏi còn biết chăng? Cái biết đó đã đi về đâu? Hoặc lúc chúng ta ngồi

thiền, tư tưởng tạm thời dừng lặng, khi ấy lấy gì để BIẾT? Vì có suy nghĩ thì có tướng này tướng nọ mà BIẾT, không suy nghĩ thì có tướng gì? Do đó chúng ta tưởng chừng như không còn BIẾT nữa. Có người ắt sẽ hoảng hốt: “Thế là tôi mất rồi”. Quả thật, chúng ta đang trôi hụp trên những lượn sóng chập chùng, mà quên mất: “NƯỚC VẮN CÒN ĐÂY”.

Thật sự ai ai cũng đều đủ “TÁNH BIẾT THƯỜNG HẰNG” không bao giờ gián đoạn, cho đến con trùn, con kiến cũng không tạm thiếu, mà nói có BIẾT hay không BIẾT là thuộc đối tượng có hay không mà thôi. Có đối tượng thì tướng “BIẾT” hiện, không đối tượng thì tướng “BIẾT” ẩn mà chẳng phải không cái “BIẾT”. Do đó người tu thiền mới có thể thường tỉnh sáng. Nghĩa là khi có tướng, “BIẾT RÕ” là có tướng, khi không tướng, “BIẾT RÕ” là không tướng, tướng có thể “CÓ” “KHÔNG” mà “TÁNH BIẾT” thì không hai, nên nói: THƯỜNG HIỆN TIỀN.

Từ đó chúng ta mới thấy rõ lối tu một cách rất thiết thực: khi nhìn một cành mai chúng ta “BIẾT RÕ” đang nhìn cành mai; nghe tiếng nhạc “BIẾT RÕ” đang nghe tiếng nhạc; ăn cơm, mặc áo “BIẾT RÕ” ăn cơm, mặc áo... tức là luôn luôn tỉnh sáng rõ ràng trên cái “BIẾT”, không để cho cảnh đối tượng có thể làm mờ. Như đó khi công phu thuần thực thì bất cứ nơi nào cũng là chỗ chúng ta ngộ đạo cả. Như thế, Tổ Qui Sơn dựng phát tử, Tổ Ca Diếp gọi A Nan, đối với chúng ta chẳng còn che mắt, bịt tai được nữa. Chỉ một phen “BIẾT”, tức hằng ngày chúng ta đang sống.

Rõ là có gì lạ đâu, bởi chúng ta vẫn sống trong đó mà không chịu nhận, cứ chạy theo những lượn sóng nổi chìm lên xuống nên thấy có kia có đây cách biệt, do đó mà hết buông cái này bắt cái nọ, nhọc nhằn lao khổ từ kiếp này qua kiếp khác, từ thân này qua thân khác, cho đến khi chán nản trở về với đạo mà cũng vẫn còn cái tập khí sanh diệt chưa quên: Bỏ vọng để về chơn, diệt phiền não để chúng Bồ Đề, Niết Bàn... lấy vọng này bỏ vọng kia, dấu vết vẫn còn nguyên.

Chúng ta hãy nghe Thầy Tri Viên hỏi Thiền Sư Duyên Quán:

- Khi giấc nhà khó giữ thì thế nào?

Duyên Quán đáp:

- Biết được chẳng phải oan gia.

Quả thực chúng ta lâu nay cứ tưởng có một cái gì riêng khác làm rối loạn tâm mình, cần phải đoạn trừ, nên thường bần khoản thắc mắc, không yên, chẳng ngờ chính mình tự gây rối loạn mà không hay. Đất, nước, gió, lửa không thể gây rối; gan, ruột, phèo, phổi không thể gây rối. Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp không thể gây rối. **Chính ngay cái chỗ thấy, nghe, hiểu, biết bình thường khởi lên cái “niệm kia, đây” tức thành rối loạn. Trái lại, cũng ngay cái thấy, nghe, hiểu, biết đó tỉnh sáng trở lại tức nguồn thanh tịnh vốn không việc khác.** Nên nói tức thấy, nghe, hiểu, biết mà lưu chuyển luân hồi, cũng tức thấy, nghe, hiểu, biết mà ngộ “TRI KIẾN PHẬT”.

Thầy Tri Viên hỏi tiếp:

- Sau khi biết được thì sao?

Duyên Quán đáp:

- Biếm đến nước vô sanh.

Ngay chỗ tỉnh sáng hãy khéo giữ gìn, lâu ngày vọng tưởng tự dừng lặng tức là an trụ “VÔ SANH”. Có trừ, có dẹp gì đâu? Tuy nhiên, chúng ta sẽ lầm lẫn khi đạt đến vô sanh là sống với một thế giới cách biệt với thế giới sai biệt này, chính cái niệm đó sẽ khiến chúng ta chìm lịm trong chỗ lặng lẽ, lấp bít con đường trí tuệ viên thông. Đó là điều mà các Thiền Sư rất thường quả trách.

Vậy nên Thầy Tri Viên hỏi tiếp:

- Nước vô sanh đâu không phải chỗ y an thân lập mạng?

Duyên Quán bảo:

- Nước chết không chứa được rồng.

Thầy Tri Viên hỏi:

- Thế nào là nước sống chứa rồng?

Duyên Quán đáp:

- Dậy mồi chẳng thành sóng.

Phải vươn lên, trong cái sanh diệt mà vẫn tự tại, dạo khắp núi sông không đạp một tắc đất, gọi là kẻ vào rừng mà không động lá, đi qua không để lại dấu vết đó mới là chỗ cứu cánh chân thật. Nên cuối cùng Thầy Tri Viên hỏi:

- Bồng khi đâm nghiêng núi đổ thì sao?

Duyên Quán đáp:

- Chớ nói ướt góc ca sa của lão tăng.

Quả thật trong sanh diệt vẫn sống bất sanh bất diệt, ý nghĩa sanh diệt chẳng tương can càng thêm tỏ!

Nhận được chỗ này chúng ta mới thấy chỗ không bệnh của Ngài Động Sơn. Khi sắp tịch, Sư có chút bệnh, một vị Tăng đến hỏi:

- Hòa thượng bệnh, có cái chẳng bệnh chẳng?

Sư đáp:

- Có.

Tăng hỏi:

- Cái chẳng bệnh có thấy Hòa Thượng chẳng?

Sư đáp:

- Lão tăng xem y có phần.

Tăng hỏi:

- Chưa biết Hòa Thượng làm sao xem y?

Sư đáp:

- Khi lão Tăng xem chẳng thấy có bệnh.

Chúng ta có thấy “CÁI KHÔNG BỆNH” chẳng? Chỉ một cái “BIẾT” thôi.

Nghĩa là khi bệnh “BIẾT RÕ” từng trạng thái diễn tiến của bệnh không một chút lằm lẩn, tức cái “BIẾT” ấy chẳng đồng với bệnh. Trái lại, nếu cứ nghĩ “TA BỆNH KHỔ!”, tức tự mình đồng hóa với cái bệnh và mất đi cái “BIẾT THƯỜNG HẰNG”, đó là bị sanh tử chuyển. Vậy nên chúng ta phải nhận sâu chỗ này, nếu không, tu hành khó tiến, lại dễ sanh nghi ngờ.

Đây, chúng ta hãy nghe kỹ một lần nữa. Tổ Lâm Tế nói: “Xác thân tứ đại của các ông không biết thuyết pháp, nghe pháp. Gan, mật, dạ dày, ruột không biết thuyết pháp, nghe pháp. Hư không không biết thuyết pháp, nghe pháp. Là một cái RIÊNG SÁNG HIỆN BÀY RÕ RÀNG ở trước mắt ông, nó biết thuyết pháp, nghe pháp. Nếu thấy được như thế đã cùng Phật Tổ không khác, chỉ trong tất cả thời dừng cho gián đoạn, chạm mắt đều phải. CHỈ VÌ TÌNH SANH TRÍ CÁCH, TƯỚNG DẤY THỂ SAI”.

Như vậy ngay chỗ thấy, nghe, hiểu, biết hằng ngày, chúng ta khéo nhận tức “ĐẠO NHƠN HIỆN TIỀN” không chỗ nương! Không nương đất, nước, gió, lửa; không nương gan, mật, dạ dày, phổi...; không nương sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp... cho đến không nương mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Tức chính ngay thấy nghe này liền giải thoát. Đó là chúng ta sống giữa thế gian mà siêu xuất khỏi thế gian. **Chủ yếu là thường tỉnh đừng mê, thường nhớ chẳng quên, chớ để “TÌNH SANH MÀ TRÍ PHẢI CÁCH, TƯỚNG DẤY LÊN MÀ THỂ THÀNH SAI BIỆT”.** Phải là trong tất cả thời đi, đứng, nằm, ngồi, công tác, nghỉ ngơi mỗi mỗi cử động đều “BIẾT” rõ ràng. Nếu có một phút giây nào trống thiếu, tức phút giây đó chúng

ta đang sống trong tăm tối. Cho dù là người tu thoát đầu mà thiếu sự tỉnh sáng này, cũng bị quả trách! Chẳng hạn khi tham mà không biết câu thoát đầu đang tham, hoặc tham một lúc câu thoát đầu chạy đi đâu không hay không biết, thế là có thành nghĩa tham chẳng, hay đã đi trong hang quỷ rồi?

Chúng ta cần hiểu rõ, Thiền là phải đủ hai nghĩa: “TỊCH và CHIẾU”. Do “TỊCH” mà niệm không khởi, do “CHIẾU” mà trí chẳng đoạn. Niệm không khởi, trí chẳng đoạn, đó mới là thường tỉnh, thường sáng, một điểm chẳng lằm. Dù có chỗ gọi “tịch chiếu đều quên” song vẫn không mất ý nghĩa tỉnh sáng; mà đến đây “tịch chiếu không hai”, chẳng còn dấu vết phân biệt đây tịch kia chiếu; đó gọi là “NHẬP DIỆU” vậy.

Cho nên có vị Tăng hỏi Thiền Sư Nam Nhạc Hoài Nhượng:

- Như gương đúc thành tượng, sau khi tượng thành cái sáng đi về đâu?

Sư đáp:

- Như Đại Đức tướng mạo lúc trẻ hiện giờ ở đâu?

Tuy tướng mạo lúc trẻ hiện giờ không thấy, nhưng đi đứng hiện tại có phải là ai khác đâu?

Tăng hỏi tiếp:

- Tại sao sau khi thành tượng không chiếu soi?

Sư đáp:

- Tuy không chiếu soi nhưng đối y một điểm cũng chẳng được.

Nghĩa là chúng ta cứ nghĩ khi vọng tướng lạng hết rồi thì hiểu biết cũng không luôn, chớ có biết đâu, chính khi ấy toàn thể thành dụng không còn phân chia, nên bất cứ lúc nào hễ chạm đến liền “BIẾT”, động đến liền xoay, một hạt bụi cũng không lọt qua được: “Tuy không chiếu soi mà đối y một điểm cũng chẳng được”. “TỊCH” mà thường “CHIẾU” rõ ràng không còn tranh cãi!

Chỗ này mà sai một chút thì cách xa bằng trời với đất, trí tuệ do đó khó thông.

Đến đây chúng ta đã hiểu tầm quan trọng của sự tỉnh sáng trong nhà Thiền! Chư Tổ thường nói: “Các ông nếu tạm rời việc này trong khoảnh khắc tức cùng kẻ chết không khác”. Song sự tỉnh sáng này đâu ai có thể truyền cho, cũng không ngòi bút nào ghi chép được, do vậy nếu chúng ta chạy đến các Ngài hỏi tìm, ắt thất vọng mang về hai tiếng “KHÔNG BIẾT!”. Có lúc từ bi hơn, các Ngài liền bảo: “THA ÔNG BA GẬY!”. Nếu miễn cưỡng hỏi tiếp tất bị vung gậy vào người! **Phải chăng các Ngài muốn nói: Chúng ta đang sống trong ấy mà lại đi tìm?**

- Ăn cháo xong chưa?

- Rửa bát đi!

“Chẳng rời hiện tại thường lặng lẽ, còn tìm tức biết anh chưa thấy!”. Chính nó đây rồi! Khi ăn chúng ta cùng ăn, khi ngủ chúng ta cùng ngủ, khi dạo chơi chúng ta cùng dạo chơi v.v... hằng ngày vẫn theo sát chúng ta không một phút giây tạm rời. Tự mình đang sống mà lại đến người tìm, trách gì không khỏi ném mìn “GẬY TỬ BI!”. Sao không nhanh nhẹn chuyển một đường gương “KHÔNG BIẾT” thành “TỰ BIẾT”, tức thì đầu gậy ở trong tay ta, mặt tình tung hoành.

Như câu chuyện Thiền Sư Linh Mặc, khi đến yết kiến Hòa Thượng Thạch Đầu, Sư tự hứa nếu một câu khế hợp thì ở, chẳng hợp liền đi. Nhưng khi thưa hỏi vẫn không khế hợp. Sư bèn ra đi. Thạch Đầu theo sau đến cửa ngoài, liền gọi:

- Xà Lê!

Sư xoay đầu lại. Thạch Đầu bảo:

- Từ sanh đến tử chỉ là cái ấy, xoay đầu chuyển não làm gì?

Sư nhơn câu này liền “ĐẠI NGỘ”, dừng lại đây hai năm. Như vậy trước khi xoay đầu với sau khi xoay đầu cách nhau bao xa? Nên nói: **Chỉ một đường gương thì “KHÔNG BIẾT”**

thành “TỰ BIẾT”, xưa nay vốn tự đầy đủ, chẳng phải miệng người truyền. Đó là ý nghĩa “TỰ TỈNH, TỰ SÁNG” căn bản của người tu Thiên.

Giờ đây chúng ta có thể sáng tỏ chữ “BIẾT” ban đầu rồi chữ gì? “BIẾT” ở đây là sự tỉnh sáng thường xuyên, đừng hiểu lầm “BIẾT” là những đường nét in đậm trong đầu óc, đó là chúng ta tự chôn vùi trí tuệ. Chúng ta sống với chữ “BIẾT” là chúng ta hằng sống trong sự tỉnh sáng. Một niệm khởi lên liền “BIẾT”, là khởi trong tỉnh sáng. Cũng vậy, một đóa hoa anh đào nở, nở trong tỉnh sáng! Một tiếng chim sơn ca hát trên đầu cành, hát trong tỉnh sáng! Cho đến làm công việc gì cũng làm trong tỉnh sáng! Đó là chúng ta đã sống với Thiên!

* Chỉ ngay một niệm liền trở về, Cũng hơn mười năm vùi trong sách!

Chúng ta còn chạy đi đâu để học Thiên? Ai có thể truyền cho chúng ta sự tỉnh sáng này? Ai có thể cướp mất chúng ta sự tỉnh sáng này? Vậy có gì chúng ta lại nghi ngờ? Nếu chúng ta sống trọn vẹn trong sự tỉnh sáng này, thì hỏi trên thế gian còn có gì chẳng sáng? Kinh nói: “Nào cây, nào chim... cũng đều niệm Phật, niệm Pháp”, “chạm mắt đều Bồ Đề”, “trên đầu trăm cỏ ý Tổ Sư”; đâu còn lạ gì: “Mười phương hư không thấy đều tiêu mất”? Nghĩa là trước mắt chúng ta không một điểm trống vắng, không một hạt bụi che, dù có cảnh đối trước vẫn như không. Tức là thấy biết tự tại!

Tóm lại, “BIẾT” tức “TỈNH”. *Chỗ này không thể lấy nghĩa thế gian mà có thể luận đến được. *Thế nó vượt ngoài có không, tuy vẫn hiện hữu giữa thế gian mà không bị thế gian ô nhiễm. *Về nghĩa sâu kín của nó thì, mắt Phật nhìn cũng khó thấy. *Về nghĩa tự tại của nó thì, trời không thể che, đất không thể chở, hư không không thể bao. *Về nghĩa sáng của nó thì, mặt trời mặt trăng sánh chẳng kịp. Vậy ai đã từng chạm mắt một lần “BIẾT”? Sanh tử nào có ngại?

2. Phật thành đạo

Nhơn ngày lễ Phật Thành Đạo, tôi nhắc lại vài vị Thiền Sư qua câu chuyện Phật Thành Đạo, để cho quý vị thấy và hiểu sâu hơn về ý nghĩa thành đạo.

Đời nhà Tống, Vua Hiếu Tông đến hỏi Thiền Sư Phật Chiêu hơn ngày Phật thành đạo. Ông hỏi rằng:

- Nói Phật thành đạo là thành cái gì?

Thiền Sư đáp:

- Dám bảo Bệ Hạ đã quên.

Ông Vua liền gật đầu. Quý vị thấy Thiền Sư này trả lời hay chưa? Tại sao hỏi: “Thành đạo là thành cái gì?”, thì ông trả lời rằng: “Dám bảo Bệ Hạ đã quên?”.

Giờ đây tôi hỏi quý vị quên là quên cái gì? -Đã quên là đã quên cái gì? Chắc chừng quý vị sẽ tưởng quên là quên cái đêm mừng tám tháng chạp, trong sử còn ghi: “Từ canh một tới canh hai, Phật chứng được Thiên nhân minh, tới canh ba chứng Túc mạng minh, qua canh năm chứng Lộ tận minh, rồi sau đó đầy đủ Lục thông, Tứ vô sở úy, Thập bát bát cộng pháp v.v...”, có phải quên cái đó chăng? Chắc rằng không phải! Như vậy thì quên cái gì?

Ở đây tôi dẫn cái chỗ quên cho quý vị thấy: trong Kinh Pháp Hoa quý vị còn nhớ phẩm “CÙNG TỬ” chăng? Khi chàng cùng tử đi lang thang mỗi một trở về tìm cha, đến lúc tìm tới nhà ông Trưởng Giả rồi mà chàng làm sao? Tới thấy cha mình mà không nhớ! Còn người cha nhớ biết con mình, muốn bắt giữ ông lại, thì ông hoảng hốt chạy trốn. Như vậy, ông quên mình là con ông trưởng giả, cho nên phải chạy lang thang đi ăn mày. Khi về nếu ông tới gặp cha liền nhớ, thì sao? Ngay đó liền hết cái đời ăn mày! Đó là một cái chỗ quên.

Cái quên thứ hai nữa là chàng say rượu được bạn tặng cho hòn ngọc quý cột trong chéo áo. Bởi say rượu nên tỉnh dậy rồi

quên (quên mình có hòn ngọc quý), cho nên vẫn đi lang thang ăn mày. Đợi tới khi người bạn gặp lại mới trách: “Tại sao cái anh này trước kia mình đã cho hòn ngọc quý, mà bây giờ vẫn còn đi ăn mày?”. Người bạn liền kêu lại chỉ hòn ngọc quý: “Ngày xưa tôi cho anh còn cột trong chèo áo kia, tại sao anh quên đi, lại ăn mày lang thang?”. Tức thời anh chàng kia liền nhớ lại: mình có hòn ngọc quý!

Như vậy là hai cái quên, hai cái quên đó là quên cái gì? -Quên mình là con ông Trưởng giả, quên mình có hòn ngọc quý ở sẵn trong chèo áo, phải không? Và chàng cùng tử sau khi được ông Trưởng giả nhận là con, chùng đó chàng sẽ có nào là kho tàng, cửa báu, nào là vườn ruộng, xe cộ, tôi tớ v.v..., vậy những kho tàng của báu, vườn ruộng, xe cộ, tôi tớ đó là cái phụ ở sau, sau cái “NHỚ”, không phải là cái chánh phải không? Thế mà bây giờ mình cứ nhớ cái đó là cái chánh thôi.

Kể đó nữa, như chàng say sau khi đã nhớ mình có hòn ngọc, rồi đem hòn ngọc ra bán, chùng đó mới sắm được nhà, mới có xe cộ, tôi tớ v.v..., thì những việc đó cũng là cái sau, mà cái chủ yếu là cái “QUÊN” đó, nếu trực nhớ lại thì đầy đủ.

Như vậy quý vị thấy Phật thành đạo là thành cái gì? -Là thành cái “BỆ HẠ ĐÃ QUÊN” phải không? Quý vị thấy có thấm thía hay chưa? Câu nói mới nghe qua hết sức là đơn giản, hình như là vô lý nữa, mà khi suy ra rồi mới thấy, thực là chỉ cho chúng ta tận nguồn gốc cái chỗ thành đạo của Đức Phật. Đó là về phần Kinh.

Đến phần Thiên, tôi sẽ dẫn thêm các vị tôn túc sau này cũng nói cái chỗ đã “QUÊN” đó cho mình biết, và chỉ cho mình thấy, để xem quý vị có thấy được hay không? Đầu tiên là kể chuyện Ngài Phó Đại Sĩ. Ngài Phó Đại Sĩ có làm một bài tụng, nguyên văn chữ Hán:

Dạ dạ bào Phật miên
Triều triều hoàn cộng khởi
Khởi tọa trấn tương tùy

Ngũ mặc đồng sở chỉ.
Tiêm hào bất tương ly
Như thân ảnh tương tợ
Dục thức Phật khứ xứ
Chỉ giá ngữ thịnh thị.

DỊCH:

Đêm đêm ôm Phật ngủ
Ngày ngày cùng Phật dậy
Ngồi đứng hăng theo nhau
Nói nín cùng chung ở.
Mấy may chẳng tạm rời
Như hình cùng với bóng
Muốn biết nơi Phật đi
Chỉ chỗ nói năng ấy.

Quý vị thấy chỗ chỉ chưa? Đêm nào cũng ôm Phật ngủ, ngày nào cũng cùng Phật dậy, mình với Phật thân thiết như thế nào, mà sao? -Mà “QUÊN”. Bởi quên cho nên mình cô phụ Phật. Ở đây Ngài muốn chỉ cho mình thấy Phật thì chỉ chỗ nào? “Muốn biết nơi Phật đi, chỉ chỗ nói năng ấy”. Chỉ ngay cái chỗ nói năng đó, là cái chỗ Phật đi. Đó là một vị tôn túc.

Kế đó cũng một vị Thiền Sư, tức Ngài Huệ Hải. Đến Mã Tổ, Mã Tổ hỏi:

- Ngươi đến đây cầu việc gì?

Ngài trả lời:

- Con đến đây cầu hỏi Phật pháp (hay là cầu học Phật pháp).

Mã Tổ nói:

- Kho báu nhà mình không đoái hoài, đến đây cầu cái gì?

Huệ Hải liền hỏi lại:

- Cái gì là kho báu của Huệ Hải?

Mã Tổ nói:

- Cái ông hỏi ta đó!

Ai có thể thấy? **Vậy mà Sư nhận được kho báu về nhà tự tại! Quý vị mới thấy, hai vị đó chỉ, người thì chỉ: “Muốn biết nơi Phật đi, chỉ chỗ nói năng ấy”; người thì nói, muốn biết kho báu mình, chỉ: “Chỗ người hỏi ta đó”. Qua hai chỗ chỉ đó, quý vị để thấy hay không?**

Giờ tôi bình hai chỗ chỉ đó cho quý vị nghe. Như có hai cha con, người cha khoảng ba, bốn mươi tuổi, còn đứa con bảy, tám tuổi; hai cha con dẫn đi chơi, có gió thổi mạnh, người cha nói: “Có gió thổi mạnh”. Đứa con hỏi: “Gió ở chỗ nào Ba?”. Người cha bảo: “Chỗ lá cây rung động đó”. Chỉ như vậy đúng chưa? -Chỉ chỗ lá cây rung động là chỗ gió? Nếu chỉ như vậy đứa con sẽ nghĩ rằng: “Chỗ lá cây rung động đó là gió và gió chỉ có hạn cuộc ở lá cây rung động thôi”. Nghĩ vậy đã đúng chưa? Mà phải hiểu sao? Lá cây rung động chỉ là một phần nhỏ của gió, nguyên gió nó tràn đầy, bàng bạc, chẳng qua vì gặp lá cây thành lá cây phải rung động. Tuy nhiên lá cây rung động chính là từ gió mới có chứ không phải không ngưng, nhưng nếu cho gió chỉ ở trong phần lá cây rung động thì chưa đúng, phải không? Và nếu cho lá cây rung động là thể tướng của gió thì lại càng không đúng nữa. Bởi thể tướng của gió nó không phải chỉ là cái lay động của lá cây, mà nó còn trùm khắp.

Như vậy chúng ta mới thấy hai vị Tôn túc chỉ chỗ kho báu và chỗ Phật đi đó, chẳng khác nào người cha chỉ cái chỗ gió làm động, phải vậy không? Hiểu như thế quý vị mới khỏi lầm! Đó là tôi nói cho quý vị thấy chủ yếu của chỗ chỉ: “NƠI PHẬT ĐI” hay là “KHO BÁU NHÀ MÌNH”, ở đây hai Ngài đều chỉ ngay cái chỗ “NÓI NĂNG”, “THƯA HỎI”, nhưng chỉ như vậy chẳng qua là chỉ lá cây rung mà nói là gió, chứ không phải chỉ cái toàn thể của gió.

NAM MÔ BỐN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

3. Ý nghĩa Tối Thượng

Những ai đã đọc quyển Góp Nhật Cát Đá đến câu chuyện Giáo Lý Tối Thượng, chắc không khỏi có điều thắc mắc? Vì sao? Câu chuyện như vậy.

Có anh mù, một hôm đến thăm người bạn, vì mãi mê chuyện trò nên đến trời tối không hay. Khi ra về, người bạn mới đốt một cây đèn lồng trao cho anh. Anh khoát tay nói: “Vớ tôi thì ngày cũng như đêm có cần gì đến thứ này”. Người bạn giải thích: “Tuy nhiên, với anh thì được, song đối với người sẽ nhờ có cây đèn này mà thấy và tránh anh”. Anh nghe nói có lý liền cầm lấy cây đèn rồi chào ra về. Nhưng anh đi được một quãng, chợt có người bắt ngờ đâm sầm vào anh. Anh quát: “Ai vậy? Chẳng thấy tôi cầm cây đèn đây sao?”. Người kia đáp: “Thưa bạn, đèn của bạn đã tắt từ lâu rồi!”.

Đọc qua câu chuyện tựa đề là Giáo Lý Tối Thượng, song chúng ta có thấy chỗ nào là Giáo Lý Tối Thượng không? Thật là khó hiểu! Phải chăng với một kẻ mù thì dù có được ân cần trao cho cây đèn cầm trong tay, nhưng vẫn không tự cứu mình thoát khỏi tai nạn. Trái lại, chính mình phải tự sáng mắt, khi đó mới có hiệu quả?

Cũng vậy, muốn thoát khỏi sanh tử luân hồi, ngoài chúng ta ra, ai có thể thay thế cho mình làm việc đó? Dù chúng ta có được trao cho một pháp môn thật cao siêu, màu nhiệm mà chính mình không thể tự sáng thì, pháp môn đó cũng chỉ là món ăn tạm thời vậy thôi, đôi khi còn có hại nữa là khác. Nên nói: “đề hồ biến thành độc dược!”. Bởi thế chư Phật dù đã trải qua nhiều kiếp mỗi miệng, tràn môi, song chúng ta giờ đây cũng vẫn lặn hụp không biết ngày cùng. Vì Phật Tổ dù có thương xót chúng ta bao nhiêu, chỉ là trợ duyên cho chúng ta trên một ý nghĩa tạm thời. Nếu chúng ta không chịu tự mình mở mắt ra, lại cứ bám vào những lời Phật Tổ, lấy cái hiểu của người làm cái hiểu của mình, thì có khi nào được giải thoát?

Chúng ta còn nhớ câu chuyện Ngài Hương Nghiêm Trí Nhàn chẳng? Sư ở nơi Tổ Bá Trượng nổi tiếng là hỏi một đáp mười. Thế nhưng sau khi Tổ Bá Trượng qui tịch, Sư đến chỗ Qui Sơn bị một câu hỏi đành câm miệng. Qui Sơn bảo:

- Nghe nói ông ở chỗ Tiên Sư Bá Trượng hỏi một đáp mười, vậy giờ đây hãy nói cho một câu xem: “Thế nào là một câu trước khi cha mẹ chưa sanh?”.

Sư bị một câu hỏi này mờ mịt không đáp được. Trở về liêu, Sư soạn hết sách vở đã học qua, tìm một câu đáp trọn không thể có. Sư than: “BÁNH VẼ CHẰNG NO BỤNG ĐỐI”. Đến cầu xin Qui Sơn nói phá. Qui Sơn bảo: “Nếu ta nói cho người, về sau người sẽ chửi ta; ta nói là việc của ta, đâu can hệ gì đến người?”. Rõ ràng từ ngoài mà được chẳng phải chân thật của báu, nơi người mà hiểu đâu dính dáng gì đến việc bốn phận? Sư bèn đem những sách vở đốt hết, từ giã ra đi.

Một hôm, ở chỗ Nam Dương, như cuộc cở trên núi, lượm hòn gạch ném trúng cây tre vang tiếng, Sư chợt tỉnh ngộ phá lên cười! Sư trở về tắm gội thấp hương hướng Qui Sơn đánh lễ, ca tụng rằng: “Hòa Thượng từ bi ơn như cha mẹ, khi trước nếu vì con nói rồi thì làm gì có ngày nay?”. Đó là phải tự mình sáng lên mới có thể nếm mùi pháp vị. Thế nên Nham Đầu ở Ngao Sơn đâu chẳng bảo Tuyết Phong rằng: “Từ cửa vào chẳng phải của báu trong nhà... muốn xiển dương đại giáo, mỗi mỗi phải từ nơi hông ngực mình lưu xuất, sau này cùng ta che trời che đất đi”. Nghĩa là nếu của báu trong nhà ắt tự mình lấy ra dùng, đâu thể một bề đến nơi người mà nhận đem về gìn giữ, sao khỏi có lúc phải trả lại, chung cuộc vẫn tay không!

Từ đó chúng ta mới thấy ý nghĩa thâm sâu trong Kinh Pháp Hoa, phẩm Tùng Địa Dõng Xuất. Khi ấy các vị Bồ Tát từ tha phương đến trước Phật Thích Ca thừa thỉnh, nếu Phật hứa cho, các vị sẽ ở cõi Ta Bà này sau khi Phật diệt độ, hộ trì Kinh Pháp Hoa. Phật không chấp nhận, bảo rằng: “Thôi đi, chẳng cần các ông hộ trì kinh này. Vì sao? Vì ở cõi Ta Bà

đây có các vị Đại Bồ Tát số đông đến sáu muôn sông Hằng, mỗi vị có sáu muôn hằng hà sa số quyến thuộc; các vị đó có thể hộ trì kinh này”. Khi Phật nói lời đó, cõi Ta Bà ở tam thiên đại thiên các cõi nước đất đều rung nứt trong đó có vô số Đại Bồ Tát từ dưới lòng đất vọt lên! Mới nghe qua chúng ta thấy Đức Phật có vẻ địa phương quá phải không? Tuy nhiên nhận sâu vào mới thấy ý nghĩa cao thâm. Bởi Kinh Pháp Hoa là tượng trưng cho “Tri Kiến Phật” tức tánh giác nơi mỗi người. Muốn bảo vệ tánh giác đó, nếu không phải tự mình giữ lấy, lại bảo người gìn, làm sao có thể bảo đảm lâu dài? Thế nên Phật không chấp nhận Bồ Tát tha phương hộ trì Kinh Pháp Hoa.

Đến đây chúng ta mới hiểu vì sao trong nhà Thiền thường chia hai loại trí: Trí Hữu Sư và Trí Vô Sư. *Trí Hữu Sư là trí từ nơi học hỏi mà được, nó có giá trị tạm thời không phải cứu cánh miên viễn. *Chính Trí Vô Sư là cái tự mỗi người phát minh ra, chẳng từ nơi miệng người truyền, cũng không do ai đem lại, đó là “CHÂN TRÍ TỐI THƯỢNG”. Người nhận ra được trí này là đã đi đến ngã rẽ của con đường giác ngộ, từ nay không còn trở lại sanh mê, nguồn giải thoát là đây.

Nói trắng ra, chủ yếu Thiền Tông vốn chỉ thẳng cho người nhận ra cái Trí Vô Sư này chớ không có gì khác. Bởi thế những tiếng hét chát tai, những cái đánh trời giáng cốt đập thẳng vào chúng ta để sống dậy “VÔ SỰ TRÍ hiện tiền!”. Người mà đạt đến đây mới có đủ niềm tin không còn bị ngôn ngữ chuyển, và mới có thể mở miệng nói: “Từ nay không còn bị đầu lười các Hòa Thượng trong thiên hạ lừa!”. Đó là sống vững mạnh trong ánh sáng của chính mình.

Chúng ta đâu chẳng nghe Ngài Nam Viện Huệ Ngung hỏi Phong Huyệt:

- Phương Nam một gậy thương lượng thế nào?

Phong Huyệt đáp:

- Thương lượng rất kỳ đặc!

Lại hỏi:

- Hòa Thượng ở đây một gậy thương lượng thế nào?

Nam Viện cầm cây gậy lên bảo:

- Dưới gậy Vô sanh nhãn, gặp cơ chẳng thấy Thầy.

Ngay câu nói này Sư triệt ngộ. Tức là ngay một gậy liền quên chủ khách đối đãi, tự mình sống dậy không chỗ nương, từ đó mới có thể đảm đang việc lớn. Một hôm Nam Viện lại hỏi:

- Người nghe Lâm Tế khi sắp tịch nói chẳng?

Sư thưa:

- Nghe!

Nam Viện bảo:

- Lâm Tế nói rằng: “Ai biết chánh pháp nhãn tạng của ta đến bên con lừa mù diệt”. Lại Ngài lúc bình sanh như con sư tử thấy người liền giết, đến lúc sắp tịch cơ sao lại bó gối xuôi đuôi như vậy?

Sư thưa:

- Mật phó sắp tịch, toàn chủ tức mật.

Nam Viện lại hỏi:

- Tại sao Tam Thánh Huệ Nhiên cũng không nói?

Sư thưa:

- Con thật đã gần gũi nhận lãnh vào thất, chẳng đồng với người đi ngoài cửa.

Nam Viện gạt đầu.

Chúng ta có hiểu chẳng, Ngài Phong Huyệt muốn nói gì? Chỗ này phải là kẻ ở trong nhà mới tự cảm thông lấy, không phải người tà tâm có thể nhìn trộm. Do đó Phong Huyệt nói: “Con thật đã gần gũi nhận lãnh vào thất, chẳng đồng với người đi ngoài cửa”. Nam Viện muốn gạt lại chỗ thấy của Phong

Huyệt, qua câu nói này đã xác chứng Sư đang sống trong ấy, không còn nghi. Đó là chỗ Nam Viện gặt đầu.

Rõ được chỗ này, chúng ta mới có thể sống dậy giữa những tiếng hét, tiếng cười, vùng lên dưới những nhát búa, đường gậy: “Ta đã có lối đi”.

Thiền Sư Ý Ngộ ở Pháp Xương đầu chẳng nói: “Ở thành Tỳ Da im lặng, phỏng theo tông thừa. Thứu Lãnh giở cành hoa, trở thành thuốc độc, chín năm xây mặt vào vách, làm ngu độn tông tổ tiên; nửa đêm truyền y là gặt kẻ hậu học; Mã Tổ tức Tâm tức Phật, in tuồng ôm gốc cây đợi thỏ; Bàn Sơn phi tâm phi Phật, có thể gọi là hòa bùn hợp nước. Những tri kiến như thế là bại hoại Tổ phong, diệt dòng họ Thích...”

Vì sao?

* Ở thành Tỳ Da im lặng, tức Ngài Duy Ma Cật im lặng. Bồ Tát Văn Thù tán thán: chúng ta phải thấy thấu trong chỗ im lặng, chớ dừng nơi đây.

* Thứu Lãnh giơ cành hoa là trong hội Linh Sơn, Thế Tôn giơ cành hoa sen, Ngài Ca Diếp mỉm cười: nên khéo thấy ý kia, chớ ở trên cành hoa mà làm chỗ hiểu.

* Chín năm xây mặt vào vách là Tổ Đạt Ma chín năm ngồi yên nơi động Thiếu Thất: chỉ vì cơ duyên chưa đến, nếu cứ một bề đua nhau bắt chước như thế, làm sao có thể tự sáng?

* Nửa đêm truyền y là Ngũ Tổ trong thất truyền y bát cho Lục Tổ: một hoàn cảnh tạm thời, chớ việc này ai ai cũng đều đủ có gì giấu giếm?

* Mã Tổ tức tâm tức Phật là: tạm dùng qua cơn loạn.

* Bàn Sơn phi tâm phi Phật: đâu thể lại riêng có?

Đó là Ngài đã thổi vào chúng ta một luồng sinh khí, mở ra một con đường sống, chẳng cho đạp dấu chân người mà ôm giữ những cái tri kiến đã chết. Chẳng thế, là chúng ta tự đóng khung mình trong cái khuôn thước cũ, và không thấy được Phật

Tổ sống. Hoàng Long Thiền Sư cũng từng bảo người: “Đã ra khỏi cửa thì lay tay đi thẳng, chẳng cần biết có kẻ gác cửa. Nếu còn do dự là lỗ mũi mình ở trong tay người!”.

Như vậy đến đây chúng ta đã hiểu thế nào là ý nghĩa “TỐI THƯỢNG” rồi chứ gì? Tức là chỉ thẳng mỗi người chúng ta phải tự tỉnh, tự sáng lên, mở mắt ra mà nhìn những lẽ thật xưa nay. Chính tâm tỉnh sáng đó là nguồn giải thoát trên hết, ngoài ra không ai có thể giải thoát thay cho chính mình. Nếu chúng ta đầy đủ cái nhơn này, là chúng ta đã đầy đủ cái nhơn thành Phật không còn nghi ngờ.

Để kết luận về “Ý NGHĨA TỐI THƯỢNG”, chúng ta hãy nghe câu chuyện Ngài Đức Sơn ở Long Đàm. Một đêm Sư đứng hầu, Sùng Tín bảo:

- Đêm khuya sao chẳng xuống?

Sư kính chào bước ra, lại trở vào thưa:

- Bên ngoài tối đen.

Sùng Tín thấp đèn cày đưa Sư. Sư tiếp lấy. Sùng Tín liền thổi tắt. Ngay đó Sư đại ngộ!

Tại sao đã đốt đèn đưa cho người, người vừa tiếp lấy liền thổi tắt? Vậy tiếp lấy là tiếp lấy cái gì?

Đây, chúng ta nghe lại câu chuyện Ngũ Tổ Hoàng Mai đưa Lục Tổ qua sông. Khi ấy Lục Tổ giành lấy tay chèo, thưa: “Lúc còn mê thì nhờ Thầy độ, giờ đây con phải tự độ”. Qua câu nói này chúng ta đã nhận ra chỗ thổi đèn của Sùng Tín hay chưa? Sùng Tín thấp đèn đưa cho Đức Sơn là: “Khi mê nhờ Thầy độ”. Đức Sơn vừa tiếp lấy, Sùng Tín liền thổi tắt là: “Giờ đây con phải tự độ”. Ngay đó tự nắm lấy tay chèo! Nếu sáng được chỗ này liền rõ được ý kia. Ba đời chư Phật, lịch đại Tổ Sư đâu chẳng chỉ dạy chúng ta: khéo nhận ra và giữ gìn một việc này? Được vậy chúng ta mới tự cứu mình và Phật Tổ cũng không uống công!

Tóm lại, chánh pháp Như Lai dù cao siêu đến đâu, nhưng nếu chúng ta không chịu tỉnh giác thực hành, ắt cũng khó thấy giá trị hữu ích. Trái lại, phải tự mình sống dậy trong chánh pháp, đó là cửa diệu đưa mình ra khỏi khổ đau. Chính khi ấy chúng ta mới hiểu thế nào là “Ý NGHĨA TỐI THƯỢNG”.

PHẦN BA

TRÍCH GIẢNG THIỀN SỬ

1. Đạo tại trước mắt

Có vị Tăng hỏi Thiền Sư Duy Khoan:

- Đạo tại chỗ nào?

Sư đáp:

- Chỉ tại trước mắt.

- Sao tôi chẳng thấy?

- Do ông có ngã nên chẳng thấy.

- Tôi có ngã nên chẳng thấy, Hòa Thượng có thấy chăng?

- Có ông, có ta nên lằng xằng cũng chẳng thấy.

- Không tôi, không Hòa Thượng lại có thấy chăng?

- Không ông, không ta ai lại cầu thấy?

BÌNH: Đạo là cái gì mà lại cầu thấy. Vừa nghĩ thấy đạo, đạo đã thành cái bị thấy, vừa thấy kia đây, đạo càng xa tí. Thế nên nói: “Chỉ buông xả cái thấy hai, tức là đạo rồi, nói gì thấy chẳng thấy.

Chẳng rời hiện tại thường lặng lẽ

Còn tìm tức biết anh chưa thấy”.

2. Sáu căn tức giải thoát

Thiền Sư Quảng Trùng, ở Đại Đồng Tào Châu. Có vị Tăng đến hỏi:

- Làm thế nào diệt được sáu căn?

Sư đáp:

- Hươi kiếm chém hư không, đâu thể gây thương tích cho các vật.

BÌNH: Sáu căn vốn không lỗi, lỗi tại phân biệt mà khởi tham sân, phân biệt nếu không tham sân từ đâu mà có, ngay đó sáu căn tức giải thoát, đâu cần diệt chẳng diệt?

3. Chẳng làm việc gì

Thiền Sư Dược Sơn Duy Nghiễm, một hôm đứng hầu Hòa Thượng Thạch Đầu. Hòa Thượng hỏi:

- Trong ấy ông làm việc gì?

Sư thưa:

- Một việc cũng chẳng làm.

- Thế ấy thì ngồi không chẳng?

- Nếu ngồi không tức là làm.

- Ông nói chẳng làm, là chẳng làm việc gì?

- Ngàn Thánh cũng chẳng biết.

BÌNH: Vậy ai biết cái chỗ chẳng làm? Nếu có chỗ tức thành bị biết rồi!

Thế nên, ngồi không mà “TỈNH SÁNG” tức Thiền, ngồi mà kèm tâm là chưa thoát khỏi Nhị thừa, ngồi mà tâm chạy đầu này đầu kia là thuộc phàm phu. Nếu còn thấy có chỗ làm tức còn bị trôi. Tuy nhiên chớ hiểu không làm là ngồi không,

để mặc tình tâm ý chạy đông chạy tây là làm! Do đó nói: Chỗ này “NGÀN THÁNH CŨNG CHẴNG BIẾT”. Đó là cái chỗ “CHẴNG LÀM”.

4. Ông nay biết ta chẳng?

Thạch Đầu Hy Thiên đến tham vấn Thiền Sư Hành Tư.
Sư hỏi:

- Ông từ phương nào đến?

Hy Thiên thưa:

- Con từ Tào Khê đến?

- Dem vật gì đến?

- Khi chưa đến Tào Khê cũng chẳng mất.

- Nếu thế ấy sao chẳng dùng đi, đến Tào Khê làm gì?

- Nếu không đến Tào Khê đâu biết chẳng mất.

Hy Thiên lại hỏi:

- Đại Sư ở Tào Khê có biết Hòa Thượng chẳng?

- Ông nay biết ta chẳng?

- Biết, lại đâu thể biết đặng.

- Loài có sừng tuy nhiều, chỉ một con lân là đủ.

BÌNH: Hỏi: “Dem một vật gì đến?”. Đáp: “Khi chưa đến cũng chẳng mất” là cái đó vốn sẵn có. Hỏi: “Nếu thế ấy sao chẳng dùng đi, đến Tào Khê làm gì?”. Đáp: “Nếu không đến Tào Khê đâu biết chẳng mất” là, tuy vốn sẵn có, nhưng nếu không nhờ Thiện Tri Thức chỉ cho thì đâu thể biết được. Hỏi: “Ông nay biết ta chẳng?”. **Đáp: “Biết lại đâu thể biết được” là cái chỗ đó mắt Phật cũng không thể thấy. Cuối cùng câu: “Loài có sừng tuy nhiều, một con lân là đủ”: THĂM TỰ BIẾT LÀ ĐỦ.**

5. Thấy hoa đào nở

Thiền Sư Chí Cần ở Linh Vân Phước Châu, người Trường Khê Bốn Châu. Ban đầu ở chỗ Ngài Qui Sơn, nhưn thấy hoa đào mà ngộ đạo. Sư có làm kệ:

Tam thập niên lai tầm kiếm khách
Cơ hồi lạc điệp hựu trù chi
Tự tùng nhất kiến đào hoa hậu
Trực đảo như kim cánh bất nghi.

TẠM DỊCH:

Ba chục năm qua tầm kiếm khách
Đao lần lá rụng lại vin cành
Từ khi thấy được hoa đào nở
Mãi đến ngày nay lại chẳng nghi.

Tổ Qui Sơn xem kệ và hỏi sở ngộ của Sư mới biết có chỗ khế hợp với Ngài. Tổ bảo: “Theo duyên ngộ đến chỗ tột, hằng không lui sụt, ông phải tự khéo giữ gìn”.

BÌNH: Thử hỏi chỗ nào là chỗ Ngài Linh Vân ngộ? Có phải ở hoa đào chăng? Và đâu là chỗ chẳng nghi? Nếu cho cái ngộ ở chỗ hoa đào thì tại sao mỗi năm Xuân về, chúng ta vẫn thấy hoa đào nở mà không ngộ?

Chớ thấy hoa đào lâm kiếm khách

Quên rằng ôm ấp đã bao năm.

6. Chẳng phải xưa nay

Thiền Sư Sở Nam ở núi Thiên Khoảnh, Hàng Châu. Ban đầu Sư tham vấn Thiền Sư Phù Dung. Phù Dung thấy bảo:

- Ta chẳng phải Thầy ông. Thầy ông là Hoàng Bá.

Sư lễ bái đến Hoàng Bá. Hoàng Bá hỏi:

- Hình ảnh (ảnh tượng) ông khi chưa hiện trong tam giới (ba cõi) như thế nào?

Sư thưa:

- Tức hiện nay đâu phải có.

Hoàng Bá nói:

- Có không gác lại, tức hiện nay thế nào?

Sư thưa:

- Chẳng phải xưa nay.

Hoàng Bá nói:

- Pháp nhãn của ta chính nơi ông.

BÌNH: Như vậy ai biết được hình ảnh khi chưa hiện trong ba cõi? - Cái này chẳng thuộc xưa nay, vượt ngoài giới hạn của thời gian.

Tuy có hiện thân trong ba cõi

Hiện tại có gì trói được y?

7. Châu Ma Ni

Thiền Sư Tổ hiệu Vân Tế ở núi Chung Nam. Ban đầu đến tham vấn Ngài Nam Tuyên. Sư hỏi:

- Mỗi người có hạt châu Ma Ni mà người chẳng biết. Hạt châu ấy ở trong Tàng (kho) Như Lai, phải chính mình nhận mới được. Thế nào là Tàng?

Ngài Nam Tuyên đáp:

- Cùng ông qua lại đó là Tàng.

- Khi chẳng qua lại thì thế nào?

- Cũng là Tàng.

- Thế nào là Châu?

Ngài Nam Tuyên liền gọi:

- Sư Tổ!

Sư Tổ liền ứng thính:

- Dạ!

Ngài Nam Tuyên nạt:

- Đi đi! Ông chẳng hội lời ta nói.

Sư Tổ từ đây có chỗ tin vào.

BÌNH: Qua tiếng kêu “DẠ”, Sư Tổ đã thấy được hạt “CHÂU MA NI”.

8. Không người biết đặng y

Khoảng niên hiệu Trinh Nguyên đời Đường, ban đầu Sư (Thiền Sư Linh Mặc) đến trụ ở đạo tràng Bạch Nhai, sau đến Ngũ Duệ.

Có vị tăng đến hỏi:

- Vật gì lớn nhất trong trời đất?

Sư đáp:

- Không người biết đặng y.

- Lại có thể điêu khắc chăng?

- Ông thử hạ thủ xem?

- Trong cửa này việc trước sau như thế nào?

- Ông nói trước mắt đã thành đến hay bao lâu?

- Học nhưn chẳng hội.

- Cái hỏi này của ta, chẳng phải cái hỏi của ông.

- Hòa Thượng há không chỗ tiếp người?

- Đợi ông cầu tiếp ta liền tiếp.

- Xin thỉnh Hòa Thượng tiếp.
- Ông kém thiếu cái gì?
- Làm sao được vô tâm?
- “Núi nghiêng, lấp biển thường yên tịnh Đất chuyển ngũ khò há động y”.

BÌNH: Cái “thế bằng trời đất kia”, không lệ thuộc không gian, thời gian, cũng chẳng do tạo tác thành. Nếu sống được với cái đó thì tất cả động tịnh của thế gian không gì lay chuyển được. Đó là chỗ “KHÔNG NGƯỜI BIẾT ĐẶNG”.

9. Ông hỏi cái gì?

Có vị Tăng đến hỏi Hòa Thượng Phước Khê:

- Thế nào là tự kỷ?

Phước Khê đáp:

- Ông hỏi cái gì?
- Hòa Thượng há không phương tiện?
- Ông đến đây hỏi cái gì?
- Cái gì là diên đảo?
- Hôm nay ông đáng ăn gậy trong tay của Lão Tăng.

BÌNH: Hỏi ở trong đáp.

10. Trồng hoa trên đá

Hòa Thượng Thạch Đầu bảo:

- Nói năng động dụng chớ dính mắc.

Thiền Sư Dược Sơn Duy Nghiễm thưa:

- Không nói năng động dụng cũng chớ dính mắc.

- Ta trong ấy một mũi kim cũng chẳng lọt.
- Con trong ấy như: “HOA TRỒNG TRÊN ĐÁ”.

Thạch Đầu chấp nhận và nói kệ khen:

Tùng lai cọng trụ bất tri danh
Nhậm vận tương tương chi ma hành
Tự cố thương hiền giai bất thức
Tạo thứ phạm lưu khởi khả minh.

Tạm dịch:

Từ xưa chung ở chẳng rõ danh
Ngồi đứng theo nhau trong các hành
Chư Thánh từ xưa còn chẳng biết
Hà hướng phạm phu có thể rành.

BÌNH: “Nói năng động dụng chớ dính mắc” là chẳng chấp “CÓ”. “Chẳng nói năng động dụng cũng chẳng dính mắc” là chẳng chấp “KHÔNG”. “Ta trong ấy một mũi kim chẳng lọt, con trong ấy như hoa trồng trên đá” là bật cả “CÓ, KHÔNG”, tâm hằng miên mật không một điểm dính mắc, không một kẽ hở, tức là hằng sống trong “ẤY”. Rõ được chỗ này liền rõ được cái kẻ “Từ lâu chung ở chẳng biết tên”. Vì “Y” không tên tuổi vậy.

11. Thượng đường

Thiền Sư Dược Sơn Duy Nghiễm dạy chúng:

- Tổ Sư chỉ dạy phải khéo bảo hộ, khi tham sân si khởi lên cần thiết phải ngăn cấm, chẳng để nó tăng trưởng. Nếu ông muốn biết cây khô ở Thạch Đầu, cần phải gánh vác chỗ thật (thân cây) không nhánh lá mới được. Tuy nhiên như thế, phải nên tự xem, chẳng được dứt bật nói năng. Tôi nay vì ông nói năng để hiển bày cái không nói năng. Cái ấy xưa nay vốn không tai, mắt, tướng mạo v.v...

Có vị Tăng hỏi:

- Làm thế nào khỏi bị các cảnh làm mê lầm?

Sư đáp:

- Ngoại cảnh có gì ngại được ông.

- Con chẳng hội.

- Cảnh đâu làm ông mê lầm?

BÌNH: 1. Cái cội nguồn “CHÂN THẬT” ấy là cái thể không ngôn ngữ; còn có ngôn ngữ chỉ là cành lá. Cho nên nói: “Cái ấy xưa nay vốn không tai, mắt, tướng mạo v.v...”.

2. Cảnh vốn không làm lầm người, chỉ tại người tự làm cảnh. Nghĩa là tự mê mình mà chạy theo cảnh, thành ra bị cảnh chuyển, không thấy được sự thật. Nếu ngay nơi cảnh mà tỉnh giác trở lại thì có gì che ngại?

12. Sanh diệt khứ lai

Thiền Sư Như Mãn ở Phật Quang, Lạc Kinh, đáp những câu hỏi của Vua Đường Thuận Tông.

Vua hỏi:

- Phật dẫn sanh từ phương nào đến? Khi nhập diệt đến phương nào? Đã nói Ngài thường trụ ở đời, vậy nay Phật ở đâu?

Sư đáp:

- Phật từ vô vi đến, khi diệt độ trở về với vô vi. Pháp thân đồng hư không, thường trụ chỗ vô tâm, có niệm về vô niệm, có trụ về vô trụ, đến vì chúng sanh đến, đi vì chúng sanh đi, trong sạch, chân thật như biển, thể hằng vắng lặng. Người trí khéo xét biết, chớ sanh niệm hồ nghi.

Vua hỏi:

- Phật đản sanh tại Vương cung, khi nhập diệt giữa rừng Song thọ, thuyết pháp 49 năm, tại sao nói Phật không nói một pháp? Núi sông biển lớn, trời đất, mặt trời, mặt trăng trải qua thời gian (thời chí) cũng đều hoại diệt, tại sao nói chẳng sanh, chẳng diệt? Những điều nghi ấy, xin bậc trí khéo giải trạch?

Sư đáp:

- Thể tánh của Phật vốn vô vi, do mê tình (chúng sanh) vọng phân biệt, pháp thân đồng hư không, chưa từng có sanh diệt. Có duyên Phật ra đời, hết duyên Phật nhập diệt. Những nơi giáo hóa chúng sanh cũng như bóng trăng hiện trong nước, chẳng phải thường chẳng phải đoạn, chẳng phải sanh chẳng phải diệt; sanh cũng chưa từng sanh, diệt cũng chưa từng diệt. Thấy rõ chỗ vô tâm tự nhiên không có một pháp để nói.

Vua nghe xong rất vui vẻ và càng kính trọng Thiên Tông.

BÌNH: Ngài chỉ thẳng Phật “PHÁP THÂN” không sanh diệt, đến đi. Có đến đi là thuộc hóa thân, tuy hiện có sanh diệt, đến đi mà thể hằng vắng lặng, như bóng trăng trong nước không thể nói có hay không. Nếu thấy được chỗ “KHÔNG TÂM” thì Phật thường hiện tiền, nhận được chỗ “KHÔNG TÂM” tâm liền thấy “PHẬT KHÔNG NÓI PHÁP”. Phải khéo nhận kỹ chớ kẹt trên ngôn từ!

13. Từ trong ấy ra

Thiền Sư Hy Thiên ở núi Nam Nhạc, Thạch Đầu. Sư con nhà họ Trần, quê ở Cao Yếu Đoan Châu. Ban đầu đến Tào Khê đặng độ. Khi Sư chưa thọ giới cụ túc lại gặp lúc Lục Tổ thị tịch. Vâng lời di chúc, Sư đến yết kiến Ngài Thanh Nguyên và xin y chỉ. Một hôm Thanh Nguyên hỏi Sư:

- Có người nói Lãnh Nam (nơi Lục Tổ ở) có tin tức (đại đạo) phải không?

Sư thưa:

- Có người chẳng nói Lãnh Nam có tin tức.

- Nếu thế ấy Đại tạng, Tiểu tạng từ đâu ra?

- Từ trong ấy mà ra.

Ngài Thanh Nguyên gật đầu chấp nhận.

BÌNH: Cái gì là trong ấy?

- Ba đời chư Phật thâm hộ niệm.

14. Đãi gạo

Ở Động Sơn, Tuyết Phong đang đãi gạo. Khâm Sơn hỏi:

- Đãi cát bỏ gạo hay đãi gạo bỏ cát.

Sư đáp:

- Gạo cát đồng thời bỏ.

Khâm Sơn hỏi:

- Đại chúng lấy gì ăn?

Sư bèn lật úp thau đãi gạo.

Khâm Sơn nói:

- Cứ theo nhân duyên này, huynh hợp ở Đức Sơn.

Trong đây ai có thể đáp một câu để khỏi bị người kiểm điểm xem?

BÌNH: Gạo là gạo, cát là cát, chẳng dính dáng gì đến việc kia.